

## **Chương IV**

### **PHÁP CHIẾM BA TỈNH MIỀN ĐÔNG, 1861-1864**

Như đã lược nhắc, từ tháng 2/1860, Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa Hamelin ra mật lệnh cho Phó Đô đốc Léonard Charner là bất cứ trong trường hợp nào cũng không được rút bỏ Sài Gòn nếu Nguyễn Phước Hùng Nhiệm chưa chịu ký hoà ước. Để tăng cường lực lượng phòng thủ Sài Gòn, ngày 22/3/1860, Charner đốt bỏ doanh trại ở Cửa Hàn (Trà Sơn và An Điện) rồi rút vào Nam.

Sau khi nhà Thanh xin ngưng bắn vào mùa Thu 1860, tân Bộ trưởng HQ&TĐ Justin [Prosper] Chasseloup-Laubat—nhân vật được coi như người cô võ chính sách thực dân nồng nhiệt nhất—liên cho lệnh Charner đưa hạm đội giải vây Sài Gòn và thực hiện giấc mộng biến Nam Kỳ thành một thuộc địa do “hồng ân” Thượng đế dành riêng cho Đại Pháp. (1) Tuy nhiên, việc chiếm đóng miền Nam không mau chóng như những người cầm đầu phe hiếu chiến Pháp mong muốn. Mặc dù quan quân Nguyễn đi từ thảm bại này sang thảm bại khác, thân hào nghĩa sĩ miền Nam tự động nổi lên kháng Pháp trong hai năm 1861-1862. Vì không đủ khả năng đánh thắng nghĩa binh miền Nam, các Tư lệnh Pháp phát động kế hoạch phong tỏa Đại Nam, và đồng thời yểm trợ giáo dân nổi loạn, mở một mặt trận thứ hai ở miền Bắc, áp lực Huế phải ký hòa ước cắt ba tỉnh miền Đông. Năm năm sau nữa, quân Pháp mới chiếm được toàn vẹn sáu tỉnh miền Nam.

1. Thư ngày 18/4/1864, Chasseloup Laubat gửi Đê Đốc (Contre Amiral) Pierre Paul-Marie de La

Grandière (30/4/1863-), Chasseloup viết: Chính tại đây sẽ có một ngày rọi sáng bằng nền văn minh Ki-tô và Pháp của chúng ta. Xứ này được Ôn Trên chuẩn bị sẵn cho nước Pháp. Tại đây dân chúng không chống lại đạo Ki-tô, hay phong tục Pháp, và đây là một trong những vùng đất giàu có nhất trên trái đất..... Chúng ta sẽ viết nên một trang đẹp đẽ nhất ở Cochinchine. , CAOM (Aix), Indochine, carton 10 A 30 (1); Thư ngày 10/7/1864, 10/11/1864, 18/11/1864, Chasseloup Laubat gửi Lagrandière; Ibid.:

Trong chỉ thị cho de Lagrandière, ngày 17/9/1865, Chasseloup nhấn mạnh: ảnh hưởng Ki-tô giáo là nền tảng cho sứ mệnh khai hóa; không muốn thấy xuất hiện ở đây những bọn Hội giáo chống lại Ki-tô [như trường hợp India và Bắc Phi] tại Sài Gòn; sẽ được rọi sáng bởi tinh thần phóng khoáng [libéral] của nước Pháp. (Thư ngày 17/9/1865, Chasseloup Laubat gửi Lagrandière, CAOM (Aix), Indochine, carton 10 A 30 (1).

### **I. Đại Cương Về Nam Kỳ**

Nam Kỳ là phần lãnh thổ nam Việt Nam, từ biên giới nam Bình Thuận tới mũi Cà Mau thuộc Minh Hải hiện nay. Thời Pháp thuộc, dù người Pháp chia đặt thuộc địa [colonie] “*Cochinchine Francaise*” thành 19, rồi 21 tỉnh mới—diện tích được ước lượng khoảng 64,100 cây số vuông, dân số lên tới 5,379,000 người(2)—nhiều người vẫn còn ngậm ngùi nhắc đến tên “Nam Kỳ lục tỉnh,” tức sáu tỉnh miền nam thời tự chủ. Về lãnh thổ, Cochinchine “của” Pháp chỉ bằng khoảng một nửa

diện tích “Cochinchine” Đàng Trong cũ thời Trịnh-Nguyễn tranh hùng (1620-1777), trải rộng từ sông Gianh thuộc Bồ Chính, tức khoảng vĩ tuyến 16 bắc, xuống biên thùy phía nam, và rồi thu nhỏ lại chỉ còn “Gia Định thành” đời Nguyễn. (3)

2. *Annuaire Statistique de l’Indochine Francaise* [ASI], 1946, Part II, Tableau 1, p 27. Đây chỉ là dữ liệu trong các báo cáo của viên chức hành chính thuộc địa Pháp, khoảng năm 1943.

3. Trịnh-Nguyễn tranh hùng kéo dài từ khoảng 1620 tới 1777, gồm 15 trận đánh phía bắc và nam sông Gianh từ 1620 tới 1673, và rồi 1774-1775; nhưng cũng là sự nối dài của cuộc tranh hùng Trịnh-Mạc, từ khoảng 1545 tới 1677. Một cách đại cương, lịch sử nội chiến Việt Nam đã khởi đầu từ khoảng năm 1539-1541, khi Chu Hậu Tông (Minh Thế Tông, 27/5/1521-23/1/1567) phong Mạc Đăng Dung làm Đô thống sứ An Nam Đô thống sứ ti (1541), nhưng cũng đồng thời trực tiếp cho lệnh ông cháu Dung phải tôn trọng lãnh địa “huơng hỏa” của Lê Ninh, (Trang Tông, 1533-1546) và con cháu ở bốn phủ Thanh Hóa, cùng anh em Vũ Văn Uyên-Vũ Văn Mật ở Ninh Viễn-Tuyên Quang. Vì lý do nào đó, quốc sử Lê và Nguyễn bỏ qua những thông tin quan trọng này trong *Ming shi-lu* [Minh thực lục]; Geoffrey Wade, *Southeast Asia in Ming shi-lu: An Open Access* (Singapore: National Univ of Singapore, database, 2005); bản dịch Anh ngữ *Hoàng Minh thực lục*. Xem chi tiết trong Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ, “Giao Chỉ Đô Thống Sứ Ti, 5/7/1407-2/1/1428,” và Phụ Bản V: “Lễ Đầu Hàng

Của Ông Châu Mạc Đăng Dung,” trong *Hận Nhục Biển Đông Nam Á: Kiện hay Không Kiện?* (Fountain Valley, CA: Hợp Lư, 2015), tập II. [[www.Amazon.com](http://www.Amazon.com) tổng phát hành] [Sẽ dẫn *Ming shi-lu* (Wade, NUS database, 2005), juan [quyển]. và *Kiện hay Không Kiện?* (2015)

Về địa thế, Nam Kỳ có hai vùng rõ rệt: Phía Đông và Bắc, phù sa của các sông Tiền Giang (nhánh bắc Cửu Long), Đồng Nai, Vàm Cỏ, v.. v.. đất đai cao ráo, nhiều rừng hoang, nhưng đông dân, nông nghiệp trù phú. Sài Gòn, một thời được biết như “Phiên An,” gợi hứng cho một số ký giả đặt tên cho tờ báo quốc ngữ của họ là “*Phan Yên*,” tiếng nói lái quen thuộc của người miền nam. Từ Sài Gòn—năm 1778, 1780, hay 1788, tùy theo cách tính của mỗi người—Hoàng thân Nguyễn Phước Chung (hay Noãn, Ánh) đã khởi đầu công cuộc phục hưng, tái chiếm giang sơn cũ của các Chúa Nguyễn, tiêu diệt nhà Tây Sơn (1778-1802), thống nhất đất nước, và năm 1804 đổi tên vương quốc thành Việt Nam—một cách đảo ngược đầy toan tính của triều đình Thanh, khi thừa nhận Nguyễn Phước Chung làm Việt Nam Quốc Vương, thay thế họ Lê vỗ nuôi “Nam Man,” và “Tây Nam Man Di di” theo “Thánh giáo” truyền thống. (Năm 1848, quan tướng Việt ở Quảng Yên còn phải phản đối những tiếng *man di* dùng trong văn thư của giới chức Lương Quảng khi bàn về tộ nạn hải tặc Thanh)

Phía tây nam phù sa mới bồi đắp nên thấp, trũng, nhiều nơi còn là đầm lầy. Đồng Tháp Mười, phía tây Sài Gòn—có tin để tưởng nhớ tháp mười tầng của Phó Lãnh binh Trương Công Định tại chùa xã Mỹ Hoa, huyện Mỹ

An—có thể coi như điểm cực bắc của “Nam Kỳ thấp” [*La Basse Cochinchine*]—hiện nay chia vào ba tỉnh Long An, Đồng Tháp và Tiền Giang, được khai phá, di dân, với giặc mộng biến thành một vựa lúa khổng lồ. Khoảng thập niên 1960, tại Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau, tức một phần tỉnh Hà Tiên cũ thời Nguyễn Phước Hùng Nghiệp, bùn lầy còn là một ác mộng cho những đơn vị pháo binh mỗi khi kéo hay đặt súng. Tại Chà Lã, Giá Ngự, Đầm Dơi, hay Năm Căn vẫn còn những ruộng năng ngút ngàn, cùng sông rạch chằng chịt—nơi cư dân phải tích trữ nước mưa, hay những chiếc ghe bán nước “ngọt,” cùng hàng tạp hóa, bia và thuốc lá nhẵn nại bán rong men theo các bờ kinh, rạch có cư dân. (4)

4. Để có ý niệm tổng quát về miền nam, xem ký sự của Lê Văn Siêu (Đồng Tháp Mười), Sơn Nam, Hứa Hoành, hay Nguyễn Vũ như *Những Chiến Sĩ Sinh Lầy* (1966), *Đời Pháo Thủ* (1967), “Lửa Dạy U Minh,” nhật báo *Thời Luận* (Sài Gòn, 1965), “Nghịệp Đê Lô,” nhật báo *Tiền Tuyến* (1965-1966), v.. v... Xem thêm Hoàng Đạo Thúy, *Đi Thăm Đất Nước* (Paris: Vietnam Diffusion, [1978?]), tr 461482; Hứa Hoành, *Nam Kỳ Lục Tỉnh*, 4 tập (Houston: Văn Hóa, 1995)-

Nam Kỳ trước kia là một phần vương quốc Funan [Phù Nam], xuất hiện từ khoảng năm 100-150 đến thế kỷ VII Tây lịch. Còn được biết như Gián Phố Trại [Kambogia], Chân Lạp [Chenla], sau khi dân Khmer tiêu diệt Funan trong thế kỷ VII. Nếu tin được truyền bản *Sử Ký [Shiji]* của Tư Mã Thiên [Sima Qian, 145-86 TTL], Funan đã xuất hiện từ đời Tây Chu (1104-771

TTL)—vì năm 1110 TTL khi sứ giả Việt Thường [Yueshang] qua nhiều tầng thông ngôn đến cống “thánh nhân” Chu Cơ Đán và Chu Cơ Tụng (Thành vương) một chim trĩ trắng [a white pheasant] để xin qui phục, nhưng lại quên lối về, nên Đán cấp cho năm [5] cỗ xe có kim chỉ nam, đi men theo bờ biển Funan [**Phù Nam**], Linyi [**Lâm Ấp**], một năm mới về tới **Việt Thường** [*Chu Thành vương tân mảo lục niên, Giao Chỉ nam hữu Việt Thường thị trùng lai tam dịch nhi lai hiến bạch trĩ*]... *Sứ giả mê kỳ qui lộ, Chu Công dĩ bình xa ngũ thặng, giai vi chỉ nam chí chế, do Phù Nam, Lâm Ấp hải tế, ky niên nhi chí kỳ quốc*. (5)

5. Sima Qian [Tur Mã Thiên], *Shiji [Sử Ký]*, q. 113, “Nam Việt Triệu Đà truyện;” [Bk 113, “The Account of Southern Yueh”], *Shih chi: Records of the Grand Historian of China, Ssu-ma Ch'ien*, trans. into English by Burton Watson (New York: Columbia Univ. Press, 1961), vol. II, pp. 239-50. Trích dẫn trong các bộ quốc sử Lê, Tây Sơn và Nguyễn, và của Li Je [Lê Tắc hay Trắc], *An Nan Zhi-lue [An Nam Chí Lược, ANCL]* (thế kỷ XIII-XIV), V: Tiền triều thư sớ, bản dịch Chen Ching Ho [Trần Kính Hòa] (dựa trên truyền bản Lạc Thiện Đường, Ginko Kishida [Ngạn Điền Ngâm Hương] sưu tập và hiệu đính năm 1884) (Huế: Đại học Huế, 1961) tr.117-18.

Việc này **không ghi** vào “Kinh” *Thu*, mà chỉ được Phúc Thảng chép trong *Thượng Thư Đại truyện*. Sau đó không rõ ai chép lại trong *Sử Ký*, [*Tiền*] *Hán Thư* [q.

12:2a, 95] của Ban Cố [Ban Gu, 32-92] và *Hậu Hán Thư* [q. 116, 5a] của Phạm Việp [Fan Ye, 398-446]. (6)

6. Clae Waltham, *Shu Ching: Book of History* (Chicago: 1971), pp 199-200 [Bản dịch Kinh Thư]; Ban Gu, [*Xian*] *Han-shu* [[*Tiền*] *Hán Thư*, History of the Early Han], Bk 95, p.3 verso, col. 13 to p.7 rector (b); Fan Ye, *Hou Han Shu* [*Hậu Hán Thư*, History of the Later Han], Bk 116 [“Nam Man truyện,” q. 116]; trích dẫn trong quốc sử Lê, Tây Sơn, và Nguyễn. Dầu vậy chúng ta chưa hề thấy nguyên bản của các tác phẩm trên, nên khó thể đánh giá thông tin này cao hơn một truyền thuyết. [Sẽ dẫn *Shu Ching*, *HS/HT*, và *HHS/HHT*].

Cũng có thông tin huyền thoại trên ghi trong *Hàn Thi ngoại truyện*: sứ Việt Thường [Yueshang] trải qua chín lớp thông ngôn mới tới cống hiến, Chu Cơ Đán, phụ chính của Cơ Tụng đến năm 1104 TTL, hỏi vì duyên cớ gì mà đến, thì qua thông ngôn, sứ đáp: **Trời không có gió bão, không có mưa dầm, biển không có sóng dữ, đã ba năm, chắc là ở Trung Quốc có thánh nhân, nên tới châu.** Đán cho rằng nước nào chính lệnh chưa đến thì quân tử không bắt họ phải thần phục; cấp cho sứ Việt Thường năm [5] cỗ xe có vải che để hồi hương. Đoàn xe theo bờ biển Phù Nam [Funan], Lâm Ấp [Linyi], đi trọn một năm về đến nước. (7)

7. Nguyễn Trãi (1780-1442), et al., *Dư Địa Chí*, số 12; trong *Nguyễn Trãi Toàn Tập [NTTT]*, (Hà Nội: 1976), tr 216, 562-64; *ĐVSK, NKTT*, I:1a, 4a, Thọ (2009), 1:150, 154; Giu (1967), 1:59, 62,

313n5; *CMTB*, I:6b-7a; (Sài Gòn: 1965), 2:28-33; (Hà Nội: 1998), I:77.

Vì mãi tới thế kỷ thứ X hay XI mới xuất hiện “quốc ngữ” đầu tiên của Đại Việt (tức chữ Nôm), và thế kỷ XIX-XX quốc ngữ hiện nay (dựa theo chữ cái Latin, do các nhà truyền giáo Portugal sang chế), khó thể biết chắc “Việt Thường công trĩ trắng” là sự kiện lịch sử, hay huyền thoại.

Di chỉ khảo cổ học Ốc Eo (Kiên Giang, phía tây nam Nam Kỳ hiện nay) giúp khẳng định có cộng đồng dân cư từ khoảng thế kỷ II tới thế kỷ VII Tây lịch, tức khoảng 1400 tới 2000 năm trước. Một ký sự khoảng năm 1633 của Giáo sĩ người Italia [I-ta-li-a], Christopho Borri, tiết lộ Chúa Sãi Nguyễn Phước Nguyên (20/7/1613-19/11/1635) đã gia nhập cộng đồng Đông Nam Á trung cổ, qua việc gả con gái là Ngọc Vạn, cho vua Kambojia Chey Chetta và Ngọc Khoa lấy một con buôn hay trùm hải tặc Nhật, trao đổi thuyền chiến có đại bác giúp Kambojia đánh nhau với Xiêm La Hộc (Ayuthya, tức Thái Lan từ 1938), lấy voi thuần do các chuyên viên Khmer huấn luyện. (8)

8. Chistoforo Borri, *Cochin-China: Containing many admirable Rarities and Singularities of that Countrey* (London: Robert Ashley, 1633), reprint by Da Capo Press, New York, 1970), Chapter VII.

Thập niên 1620, quân chúa Sãi ít hơn quân Trịnh Tráng (14/7/1623-28/5/1657), nhưng cầm cự nhờ chiến lũy và khoảng trống đụn cát từ Quảng Bình vào Quảng Trị, cùng lực lượng Hải quân hơn 100 chiến thuyền chế

tạo theo kiểu Tây phương, nhưng nhỏ hơn, có 5 đại bác, với đầy đủ thuốc đạn [Muket-shot].. Đài chỉ huy làm toàn bằng vàng, hay giát vàng, bạc trông rất rực rỡ. Trong khi đó, nhà làm bằng giấy bản [boards] và gỗ để trong trường hợp quân địch tiến vào, dễ rút lui và phóng hỏa. Sau khi quân địch rút lui, dễ xây dựng lại. Các Dinh của chúa Nguyễn, vào đầu thế kỷ XVIII mới chia là những nhà cửa bằng gỗ, nằm trong những lũy tre gai, che chở bên ngoài các doanh trại quân lính lợp tranh.

Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần (19/3/1648-30/4/1687), Chúa Ngãi Nguyễn Phước Trăn ([19] 30/4/1687- 7/2/1691), và đặc biệt Minh Vương Nguyễn Phước Chu (7/2/1691-1/6/1725)—người năm 1693 đổi phần duyên hải còn lại của Chiêm Thành làm Thuận Thành, cho dòng dõi vua Chiêm làm trấn thủ—tiếp tục cuộc nam tiến của tộc Kinh xuống vùng hiện nay gọi là Đông Nam Á. Nạn nhân thứ hai, sau Chiêm Thành, là Kambojas, xuất hiện trong sử sách Trung Hoa như Chenla [Chân Lạp], tức Kambojia [Kampuchea hiện nay]. Trong thế kỷ XVII-XIX, dân Việt lần chiếm hoặc được cắt nhượng vùng châu thổ hạ lưu sông Mekong [Cửu Long]—phần đất từng triều cống nhà Đường (618-906) dưới tên Thủy Chân Lạp [Shui Chenla]. Ba phương cách mở rộng lãnh thổ Đại Việt là di dân, can thiệp vào những cuộc tranh ngôi của các gia đình cai trị Kambojia, hoặc “phản ứng tự vệ” khi có tranh chấp biên giới, dù thực tế hay chỉ viện dẫn cho có cơ, hoặc muốn nhắc nhở vua Kambojas giữ lễ triều cống, một biểu hiệu uy đức vua chúa Việt. Hai tác nhân địa phương khác đóng góp vào việc xâu xé Kambojas là Xiêm La và Trung Hoa. Trong một thời gian dài, Kambojas trở

thành loại chim nhiều đầu—hướng về Nam hay Bắc Kinh, Krung-thêp và Huế. Từ thế kỷ XVI, nương nhờ bất cứ trung tâm quyền lực ngoại quốc nào để sống còn (như Goa, Manila, Jawa Dutch East Indies) từ giữa thế kỷ XVI). Việc xếp loại các động lực nam tiến trên chỉ với mục đích phân tích tiến trình “tầm thực” của người Việt, và cần nhấn mạnh là chúng thường xen lẫn với nhau trong liên hệ nhân-quả.

Theo sử Nguyễn, chu trình tầm ăn dâu này khởi đầu từ khoảng thập niên 1650.

### **A 1. Tranh Chấp Biên Giới [Border Skirmishes]:**

Tháng 10-11/1658, nhân dịp Nặc Ông Chân xâm phạm biên giới, Phó tướng Trần Biên là Nguyễn Yên mang 3,000 quân vào đánh Mỗi Xuy (tức thành Hưng Phước, thuộc huyện Phước Chính, tỉnh Biên Hòa sau này). Nguyễn Yên bắt Nặc Ông Chân mang về nhốt ở Quảng Bình một thời gian. Trước đó, di dân Việt đã lập nghiệp ở vùng Mô Xoài (Bà Rịa) và Đồng Nai (Biên Hòa).

Chúa Hiền cũng mở rộng lãnh thổ, dời biên giới đến sát Thủy Chân Lạp, hay Giản Phố Trại. (9)

9. *ĐNTLTB*, V, 1962:98; *ĐNLTCB*, II:542).

[xem 1674]

Theo *Đường Thư*, , *Địa lý chí*, phía đông nam Chiêm Thành có nước Bà Li. Đồi Lý Trị (Đường Cao Tông, 650-683)—người tháng 9-10/679 đổi tên Giao Châu thành *An Nam đô hộ phủ*—bị Kamboja xâm chiếm. *Gia Định Thông Chí* của Trịnh Hoài Đức nói Bà

Rịa có lẽ là nước Bà Lị xưa. Còn Thù Nại, âm gần giống Đồng Nai, có lẽ là Sài Gòn bây giờ. (10)

10. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, *Đại Nam Nhất Thống Chí [ĐNNTC]*, bản dịch Phạm Trọng Điềm và Đào Duy Anh, Viện Sử Học, 5 tập, (NXB Thuận Hóa, 1997), (q. 27; 5:35-36 [35-86]).

### **B. Việc tranh đoạt vương quyền giữa dòng dõi các vua Kamboja [Chân Lạp]:**

Hệ thống vương quyền Kamboja khác với Đại Nam (vốn bắt chước Trung Hoa). Trên nền tảng Phật Giáo Nguyên Thủy hay Tiểu Thừa [Theravada Buddhism], Phật vương Khmer được coi như một thần linh [*devine king*], cai trị 41 trong số/56 tỉnh. Bảy [7] tỉnh dành cho cựu hoàng [*abjoreach*]. Thái tử [*obbareach* hay *heir presumptive to the throne*] được cai trị năm [5] tỉnh, và thái hậu [*queen mother*], ba [3] tỉnh còn lại.

Mỗi khi vua chết, việc tuyển chọn vua mới do một Hội đồng thượng thư, các đại diện hành chính cùng các sư [lục cả]. Hội đồng thượng thư gồm năm [5] người: *chaufea* hay *akhamohasena* [tương đương chức thủ tướng, prime minister]; *youmreach* [bộ hình]; *veang* [dinh vua, minister of the palace]; *kralahom* [hải quân]; và *chacrey* [bộ binh]. Cầm đầu mỗi tỉnh là *chau-muong*. (11)

11. Milton E Osborne, *The French Presence in Cochinchina and Cambodia: Rule and Response (1859-1905)* (Ithaca, NY: Cornell Univ Press, 1969), tr 7 [sẽ dẫn, Osborne, *Rule and Response* 1969]

Vì vua sinh nhiều con trai với những vương phi khác nhau; những anh em cùng cha khác mẹ [half-brothers] này không có tình thân thiết; việc tranh chấp quyền lực là lẽ đương nhiên với những mưu mô phía sau sân khấu—có tính cách quyết định nhất là cầu viện ngoại bang như Xiêm, Đại Nam, Trung Hoa và ngay cả Portugal, Espania.

**B1.** Sau khi **Nguyễn Phước Tần** (19/3/1648-30/4/1687) tạm ngưng chiến với chúa Trịnh năm 1673, vua thứ hai Kambojia là Nặc Nộn chạy tới dinh Thái Khang (Ninh Hòa) cầu viện. Tháng 3/1674, một hoàng tử thân Xiêm [Nặc Ô Đài] đã giết cha là Nặc Sô tự lập làm vua, đắp thành Nam Vang, xin viện binh Xiêm qua đánh Nặc Nộn. Chúa Hiền sai cai cơ đạo Nha Trang, thuộc dinh Thái Khang, là **Nguyễn Dương Lâm** mang 2 đạo quân tiến chiếm Sài Gòn [Prei Nokor] và Bích Đồi (Gò Bích), rồi kéo lên thẳng Nam Vang. Nặc Ô Đài bỏ chạy, rồi chết. Nặc Thu [Ang Saur, hay Chey Chetta IV, 1674-1695, 1696-1699, 1701-1702, 1702-1706] đến xin hàng. Vì Nặc Thu là con thứ hai của Nặc Sô, thuộc dòng chính, Nguyễn Phước Tần lập Nặc Thu làm vua thứ nhất ở thành Udong (Long Úc), phía bắc Pnom Penh khoảng 25 cây số. Nặc Nộn làm vua thứ hai ở Sài Gòn. Hàng năm triều cống. Tháng 7-8/1674, Nguyễn Dương Lâm kéo quân khai hoàn. Được cử làm trấn thủ dinh Thái Khang. (12)

12. *ĐNLTB*, V, 1962:122-123; *LTTB*, Thanh (1995), tr 192 [truyện Nguyễn Dương Lâm]; Bézacier, 1972:11.

**B2. 1747-1748: Nặc Tha v/s Nặc Thâm.** (TB, 210-211)

Năm 1747, Nặc Thâm [Thommo Réachéa] mượn quân Xiêm về cướp ngôi của Nặc Tha [Sotha II, con Ang Em]. Tha chạy sang Gia Định. Sau khi Thâm chết, ba con là Đôn, Nguyên [Hiên], Yêm tranh ngôi. [1750 : Nặc Nguyên chống Chàm ở Chân Lạp. (TB, 212)]

Tháng 1-2/1748, Tướng Chân Lạp là Sô-liên-tốc đánh Mỹ Tho. Võ Vương Khoát (1738-1765) sai Điều khiển Nguyễn Hữu Doãn mang quân qua đánh Chân Lạp. Doãn đánh tan. Sô-liên-tốc, kéo thẳng tới Nam Vang. Bọn Đôn, Nguyên, Yêm chạy qua Xiêm. Điều khiển Doãn đưa Nặc Tha [Sotha II] về nước. (TB, 1962:210-211; Woodside 1971:247)

**Tháng 6-7/1748,** Nặc Nguyên [có lẽ là Chey Chetta V con Nặc Thâm tức Thommo Réachéa] mang quân Xiêm về cướp ngôi. Nặc Tha phải bỏ chạy qua Gia Định. Tha bị chết bệnh. Nguyên [thân Xiêm] lên làm vua Chân Lạp. (TB, 1962:211)

**B3. 1753-1755 : Tầm Ăn Dâu :**

Tháng 11-12/1753], Võ Vương Khoát lại sai cai đội Thiện Chính và ký lục Nguyễn Cư Trinh (1711-1767) mang binh 5 dinh Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn và Long Hồ đánh Chân Lạp. Đóng quân ở Nguu Chử (Bến Nghé). Trước kia, Nặc Nguyên [Chey Chetta V] sai sứ đến Nghệ An đề nghị nhà Trịnh liên kết đánh Nguyễn. Chúa cho lệnh kiểm soát các đường ăn thông với Chân Lạp.

Tháng 7-8/1754, chia hai đường tiến đánh Chân Lạp. Thiện Chính từ Mỹ Tho, Cư Trinh đi theo sông Bát

Đông. Hạp binh ở Lô Yêm [Loviem, nam Nam Vang]. Bốn phủ Lô Lạp, Tầm Bôn, Cầu Nam, Nam Vang đều hàng. Nặc Nguyên [có lẽ là Chey Chetta V] chạy đến Tầm Phong Châu. Cư Trinh chiêu dụ dân Côn Man [người Chăm ở Thuận Thành, Bình Thuận]. Gặp lụt phải đóng quân lại. (TB, 221)

Mùa Xuân 1755 [Át Hợi], Thiệu Chính rút quân về Mỹ Tho. Cho lệnh người Côn Man rút về Bình Thanh. Đền Vô tà on [Kha Khâm] bị hơn 10,000 quân Chân Lạp chặn đánh. Thiệu Chính không cứu viện. Cư Trinh đem 5 đội tùy binh đến cứu, mang được 3000 người Côn Man về. Chúa giận, giáng Thiệu Chính làm cai đội, sai Trương Phúc Du thay. Dùng người Côn Man làm hướng đạo đi đánh. Giết được một số ốc nha. Nặc Nguyên [Chey Chetta V, được Xiêm yểm trợ] chạy qua Hà Tiên nhờ Mạc Thiên Tứ che chở. (TB, 222-223)

Nguyễn Cư Trinh mang quân đánh Chân Lạp. Sau 3 năm, vua Chân Lạp là [Nặc] Ong Nguyên bỏ chạy sang thành La Bích. Cắt hai đất Tầm đôn và Xuy Lạp.

Tháng 1-2/1756, Nặc Nguyên trình bày là việc tấn công Côn Man là do Chiêu chùy Éch gây ra. Xin cắt đất Tầm Bôn [khoảng từ Cái Bè lên Hồng Ngự] và Lô Lạp [từ cửa biển Soài Rệp tới Gò Công] thay cho tiền tế cống còn thiếu. Nặc Nguyên xin nạp đất hai phủ Tầm Bôn, Lô Lạp. Võ Vương Khoát thoát tiên chưa chịu. Nguyễn Cư Trinh xin cứ nhận, theo lối tằm ăn dâu [*silkworms' eating of strawberry leaves*], được chấp thuận. (TB, 224-225). Từ Sài Gòn tới Tầm Bôn xa sáu ngày đường, đất rộng, người thưa; lấy người Côn Man đến định cư, “dĩ man trị man..” (13)

13. *PBTL* (1972), tr. 221; *ĐNTLTB*, 1962: 216, 224-225; *LTTB*, Thanh (1995), tr 202-203.

**B4.** Tháng 1-2/1757 [Chạp Bính Tí], Nặc Nguyên chết. Chú họ là Nặc Nhuận nhiếp chính, muốn lên thay. Bọn Cừ Trinh muốn lập Nhuận. Võ Vương Khoát bắt cắt hai đất Trà Vinh và Ba Thắc [Bassac, khoảng Sóc Trăng]. Đúng dịp này, con rể Nặc Nhuận là Nặc Hinh [Ang Hinh] giết Nhuận. Nặc Tôn [Ang Tong], con Nhuận, chạy qua Hà Tiên. Thống suất Trương Phúc Du mang quân đánh. Ang Hinh chạy qua Tầm Phong Xuy, bị Ốc Nha Uông giết. Mạc Thiên Tứ xin lập Nặc Tôn [Ang Tong]. Chúa đồng ý. Tôn dâng đất Tầm Phong Long [khoảng giữa sông Tiên và sông Hậu?]. (TB, 225-226)

Nguyễn Cừ Trinh xin dời dinh Long Hồ đến xứ Tầm Bào (nay là thôn Long Hồ, tỉnh lỵ Vĩnh Long). Lại đặt ra các đạo Đông khâu (Sa Đéc), Tân Châu (Tiền Giang), Châu Đốc (Hậu Giang). Lấy quân dinh Long Hồ để trấn áp. Nặc Tôn lại cắt đất 5 phủ Hương Úc, Cần Vọt, Chân Sâm (hay Chung Rum, nằm giữa Kongpong Som và Kampot), Sài Mạt, Linh Quýnh (giữa Kampot và Bon Taymia) để tạ ơn Thiên Tứ. Tứ hiến cho triều đình. Chúa cho lệ thuộc vào Hà Tiên. Thiên Tứ xin đặt Rạch Giá [Giá Khê] làm đạo Kiên Giang, Cà Mau làm Long Xuyên. (TB, 226)

**B5. 1771-1773:** Nguyễn Cửu Khôi đánh Chân Lạp. (TB, 239-241)

Năm 1767, : Nguyễn Cừ Trinh chết. (TB, 1962:234)  
Cuối năm đó, tại Xiêm, : Tak Sin [Trịnh Quốc Anh]—

người gốc Quảng Châu, cha từng làm trưởng đất Muồng Tát, với tước Phi nhĩ Tân—đánh bại quân Burmese, lên ngôi. Dời đô về Thonburi (trên bờ sông Chaphraya, đối diện Bangkok hiện nay). Năm 1769, Trịnh Quốc Anh sai Phi nhĩ sô si Bôn Ma mang quân qua đánh Chân Lạp. Định mang Nặc Nộn lên làm vua thay Nặc Tông, vì Nặc Tông không chịu triều cống. Nặc Tông cố thủ. Xiêm bắt dân mang về. Trong khi đó, một người Triều Châu là Trần Thái mưu đảo chính Mạc Thiên Tứ, nhưng bị đánh bại. Phải chạy qua Xiêm. (TB, 1962:235) Năm sau, 1770, Mạc Thiên Tứ lại đánh bại một âm mưu làm phản khác. (TB, 1962:238)

Tháng 11-12/1771, Taksin sai Trần Liên mang 20,000 quân qua Hà Tiên đòi Chiêu Thùy [Phra Naret], con vua Xiêm cũ là Boromoraja [Phong Vương]. Thiên Tứ phải bỏ chạy. Quân họ Mạc ở Châu Đốc cũng phải rút về Kiên Giang, rồi Trấn Giang [Cần Thơ]. Lưu thủ dinh Long Hồ là Tống Phước Hợp mang binh thuyền tới cứu. Trần Liên phải rút về Hà Tiên. Taksin cũng đích thân mang quân qua đánh Chân Lạp. Nặc Tông bỏ chạy. Taksin lập Nặc Nộn làm vua. Xiêm có ý nhòm ngó Phiên Trấn. (TB, 1962:240)

Tháng 3-4/1772, Nguyễn Phước Thuận giáng Nguyễn Cửu Khôi làm cai đội; triệu hồi Nguyễn Thừa Mân. Cho Nguyễn Cửu Đàm làm Khâm sai đốc chiến, cai bạ Trần Phước Thành làm tham tán, thống lĩnh 10,000 quân, 30 chiến thuyền thủy bộ thuộc hai dinh Bình Khang và Bình Thuận. (TB, 1962:241)

Tháng 7/1772, Đàm, Thiêm, và Hợp chia quân 3 đạo phản công quân Xiêm. Thiêm tiến đến Nam Vang. Taksin phải chạy qua Hà Tiên. Nặc Nộn chạy đến

Cần Vọt. Quân Nguyễn chiếm được Nam Vang và La Bích. Nặc Tôn lại về làm vua Chân Lạp. Nhưng Taksin bắt được Chiêu Thủy (con vua Xiêm cũ) giết đi. Năm này, chúa Nguyễn lập đạo Trường đồn (Định Tường) ở Mỹ Tho.

Tháng 2-3/1773, Mạc Thiên Tứ cầu hòa với Xiêm. Taksin đồng ý triệt binh, trả tự do cho con Mạc Thiên Tứ. Từ Trần Giang, Tứ sai con là Hoàng về lại Hà Tiên sửa sang lại. (TB, 1962:242)

### **C. Di Dân:**

Việc di dân đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong cuộc nam tiến. Kinh tế là một yếu tố chính, nhưng di dân có thể gồm những thành phần bị lưu đày, tù tội, hay dân tị nạn Trung Hoa. Dưới thời Nguyễn Phước Đảm, chẳng hạn, Nguyễn Hựu Khôi, cựu Vệ úy Vệ Minh Nghĩa, từng nổi dậy chiếm Gia Định thành—tức thành Bát Quái cũ, do Nguyễn Chung xây dựng năm 1790. Lực lượng nòng cốt của Nguyễn Hựu Khôi là những toán lính thú Hội Lương, và khoảng 100 giáo dân Ki-tô, dưới quyền Linh mục Marchand, một phó tế người Việt, và Nguyễn Văn Hàm, con Nguyễn Văn Thành. Trong vòng ít tháng ngắn ngủi năm 1833, Nguyễn Hựu Khôi đánh chiếm hầu hết các thành miền nam. Theo quốc sử Nguyễn, Marchand và giáo dân còn gửi thư sang Xiêm xin tiếp viện. Quan Nguyễn bắt được phái đoàn cầu viện này, nên kịp thời chuẩn bị chống đánh quân Xiêm vào đầu năm 1834. Nguyễn Phước Đảm cũng nhân cơ hội bẻ gãy thế lực “đuôi to khó vẫy” của Tả quân Lê Văn Duyệt, một đại công thần của cha con hai vua Nguyễn đầu tiên—nhất là trong việc giải

quyết những công thần khác như Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường, Lê Chất, v.. v.. và mối họa tâm phúc của Nguyễn Phước Đảm, tức vợ con và dòng dõi Thái tử Nguyễn Phước Cảnh (6/4/1780-20/3/1801)—người từng được **Pierre Joseph Georges Pigneau** (1741-1799), Giám mục d'Adran [sách cũ thường ghi là Pigneau “de” Behaine], nuôi dạy ba năm, năm 1787 mang theo sang Paris cầu viện, theo lời khẩn cầu của Nguyễn Chung và Hoàng tộc từ 1882-1884 tới 1888. Hoàng tử Cảnh—dưới “hồng ân” Hội truyền giáo Pháp trên phố Bac—đã tạo được sự chú ý của dư luận Paris, cũng như ngoại giao đoàn tại Versailles, khoảng 20 cây số tây nam Paris. Đặc sứ Liên bang Mỹ, Thomas Jefferson (1747-1826), đã nhân cơ hội này đề nghị chính phủ Mỹ tìm mua lúa gạo của nước Đàng Trong, nhất là lúa khô. Riêng **Pierre J G Pigneau** (1741-1799), Giám mục d'Adran [sách cũ thường ghi là Pigneau “de” Behaine, với hàm ý xuất thân quý tộc; đã ký với Ngoại trưởng Pháp hiệp ước Liên Minh 21-28/11/1787, cất đất xin viện quân Đại Tây, đã lược nhắc trong những chương trước—và đang trở thành một gánh nặng di sản cho vua quan Nguyễn nói riêng, toàn thể dân Việt nói chung..

Nhưng với một thiểu số giáo dân, cuộc xâm lấn của Đại Tây là một khởi đầu mới, dưới hòng hải pháo chiến hạm, cùng khinh khí cầu, mà Petrus Key, Nguyễn Trường Tộ cùng lực lượng thầy kẻ giảng hăng say cổ vũ và bán mình cho chủ mới.. Bởi thế, Nguyễn Phước Đảm đổi họ Nguyễn của Hựu Khôi thành họ Lê, để ra tay trừng trị gia quyến Lê Văn Duyệt, cùng thủ hạ. 1940 người, kể cả 64 giáo dân Ki-tô bị thảm sát, chôn chung

dưới “Mả Ngụy.” Thành Bát Quái bị san bằng. Chức tống trấn bị bãi bỏ, và các lưu quan được bổ nhiệm, cai trị các tỉnh mới chia đặt, theo kiểu mẫu nhà Thanh. (14)

14. *DNTLCB*, II, 17:1835b, 1966:46-50, 51-2, 55-6 [30/11/1835, *Cho lệnh phá thành Gia Định*] 86;

*(Nguyễn Phước Đảm cho lệnh đóng cũi sắt giải Marchand về Huế cùng 5 người khác: Nguyễn Văn Chấm, Lưu Hằng Tín, Tả quân Lê Bá Minh, Lễ bộ kiêm Binh bộ thái khanh Đỗ Văn Dự và Lê Văn Viên. Cho lệnh tìm xác Khôi, đào lấy hài cốt, tán nát ra chia giao 6 tỉnh bỏ vào hố xí, còn thịt thái cho chó ăn. Rồi đóng hòm đựng đầu lâu đưa về kinh, bêu khắp các chợ để răn những kẻ phản tặc. Lại chia các đầu mục giặc, giao cho Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên và Trấn Tây mỗi nơi một tên, lãng trì xử tử, bêu đầu ba ngày rồi quăng xác xuống sông. Giết hết 1940 người, kể cả 64 lính Ki-tô, chôn ở Chí Hoà, gọi là "mả Ngụy." Trên mộ có tám bia đề "Nghịch tặc biên tru xử" [chỗ nghịch tặc chum đầu bị giết].*

Nguyễn Phước Đảm cũng nhân cơ hội quan quân trú đóng đông đảo ở miền nam, quên đi lời di huấn của cha, quyết định cướp chiếm Chân Lạp, đổi tên thành Trấn Tây. Nhưng Xiêm La không chịu khoan tay, yểm trợ dân Khmer nổi lên chống lại tham vọng thực dân của Nguyễn Phước Đảm. Cuối cùng, con Phước Đảm là Miên Tông đành phải triệt thoái năm 1841, trả lại quốc thống cho Kambojia, dưới sự chi phối của Xiêm La Hộc.

Trong khi đó, các nhà truyền giáo Pháp, dưới quyền Giám mục Jean-Claude Miche (Mịch, rời Gioăng, 1805-1873)—một trong những tử thù của nhà Nguyễn, và tin rằng Nguyễn Phước Hoàng Nhiệm chỉ còn nghe được tiếng đại bác—ra sức giúp cha con Phra Norodom (1862-1911) hướng về Đại Tây, tìm cách chống lại sự uy hiếp của cả Bangkok lẫn Huế. Ngày 11/8/1863, Norodom ký với De La Grandière “hòa ước bảo hộ”. (Paris phê chuẩn năm 1864; và Xiêm đồng ý năm 1867). Nhưng tới tháng 12/1863 bí mật nhượng cho Xiêm hai tỉnh Battambang và Siam Reap, để duy trì liên hệ cũ. Rồi, ngày 3/3/1864, Norodom rời Udong với ý định dung thuyền qua Bangkok làm lễ thụ phong, vì vương miện và vật trấn quốc vẫn còn giữ ở kinh đô Xiêm suốt thời gian Norodom tu học trong thiền viện. Được thông báo ngày 2/2/1864, Hải quân Trung tá Ernest Doudart de Lagrée chống lại việc này. Ngày 3/3, chiếm cung điện Oudong, đồng thời sai ba chiến hạm ngăn chặn ở Kampot. Ba tháng sau, ngày 6/3/1864, de Lagrée làm lễ đăng quang cho Norodom, như quốc vương một nước hoàn toàn nằm dưới sự bảo hộ của Đại Tây. Mối quan tâm của các sĩ quan Hải quân Pháp là những mưu toan của Bri-tên phía sau cấm thành Bangkok. De Lagrée, đã đến Udong từ tháng 4/1863 nuôi tham vọng ngược dòng Mekong lên Hoa Nam—miền đất hứa của những tay phiêu lưu đi tìm thị trường bán súng ống cùng tài nguyên thiên nhiên. (15)

15. Osborne, *Rule and Response*, 1969:176-177; Vũ Ngự Chiêu, “International Crimes Against the Ethnic Vietnamese in Cambodia, 1970-1998;” (Spring 1998), p 13 [paper read at the Vietnam

Center, University of Texas at Lubbock, manuscript].

Chiến thắng dễ dàng của De Lagrée phần nào do chính sách thực tiễn của vua Xiêm Mongkut (1851-1868) và nhóm cận thần khởi xướng phong trào Âu hóa hay cải lương—những người mở đường cho Chulalongkorn (1868-1910), tức Rama V, và rồi Wachirawut (1910-1925) trong tiến trình hiện đại hóa và toàn cầu hóa. (16)

16. Xem, chẳng hạn, David K Watt, “Education and Modernization of Thai Society” [Giáo Dục và Đổi Mới của Xã Hội Thái]; G William Skinner and A Thomas Kirsch, *Change and Persistence in Thai Society [Biến đổi và Truyền thống trong xã hội Thái Lan]* (Ithaca, NY: Cornell Univ Press, 1975), pp 125-171, và A Thomas Kirsch, “Economy, Polity and Religion in Thailand” [Kinh Tế, Cấu Trúc Xã Hội, và Tôn Giáo tại Thái Lan]; *Ibid.*, pp 172-196.

#### **A1. Mỗi Xuy (Hung Phước) & Mỏ Soài (Bà Rịa):**

Hai địa điểm đầu tiên di dân Việt đến lập nghiệp là vùng Mỏ Xoài (Bà Rịa) và Đồng Nai (Biên Hòa). Chỉ có thông tin Chúa Hiền đã mở rộng lãnh thổ, đưa biên giới đến sát Thủy Chân Lạp, hay Giản Phố Trại (Kampuchea), nhưng không rõ khởi điểm cũng như thành phần sắc tộc. Những thông tin vô cùng vắn tắt khẳng định người Việt—mà sử Nguyễn gọi là “Hán nhân,” ở lẫn lộn với người Hoa và người Khmer.

A2. Năm 1679 [Kỷ Mùi], chúa Hiền **Nguyễn Phước Tần** (19/3/1648-30/4/1687): “mở đất” Tân Mỹ.

Năm này, Nam Kỳ đón nhận một đoàn di dân quan trọng nhất, gồm. khoảng 3,000 quân Long Môn rã ngũ nhà Minh do Dương Ngạn Địch cùng Huỳnh Tấn [Hoàng Tiến] và thuộc hạ tới cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng vào tháng 2/1679, sau khi tàn dư nhà Minh bị quân Mãn Thanh và Hán gian tiêu diệt. Chúa Hiền cho vào định cư ở Giản Phố (Gia Định thành). Dương Ngạn Địch và Huỳnh Tấn vào cửa Lôi Lạp, tới ở Mỹ Tho. Trần Thượng Xuyên và Trần An Bình vào cửa Cần Giờ, đóng ở Bàn Lân (nay là Biên Hòa).

Những cộng đồng tị nạn này vỡ đất cày cấy, dựng nhà cửa phố xá, biến những thước đất rừng hoang thành phố chợ. Họ cũng tham gia vào việc bảo vệ an ninh, phụ tá cho các quan chức Việt trong việc giải quyết tranh chấp quyền lực nội bộ của Kambojia. Nhờ vậy, các vùng đất Phiên Trấn (Biên Hòa) và Phiên An (Gia Định thành) ngày thêm trù phú, thu hút thương thuyền ngoại quốc đến mua bán.

Ba nhân vật Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch và Huỳnh Tấn đều được ghi trong lịch sử thành lập Nam Kỳ. Khoảng tháng 8-9/1688, Huỳnh Tấn giết chủ cũ là Dương Ngạn Địch, kéo quân qua Rạch Than (Kiến Hòa), làm hải tặc. Vua Kamboja là Nặc Thu căm giận, bỏ việc triều cống, đắp ba [3] lũy Bích Đồi [Gò Bích], Cầu Nam và Nam Vang, chằng xích sắt ngăn cửa sông. Nặc Nộn báo cáo lên dinh Trấn Biên. Chúa Ngãi Nguyễn Phước Trấn sai Mai Vạn Long làm thống binh, cùng Nguyễn Thăng Long, và Huỳnh Tấn làm tiên phong đánh Kambojia. (17)

17. *ĐNTLTB*, V, 1962:125; *Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên [ĐNLTTB]*, II:542; q. 6, bản dịch Cao Tự Thanh (Hà Nội: NXB KHXHNV, 1995), VI:247-48; *Đại Nam Nhất Thống Chí [ĐNNTC]*, 1997, V:201; Lê Quý Đôn ghi là tháng 5 Kỷ Mùi [8/6-7/7/1679]; *Phủ Biên Tạp Lục [PBTL]*, (Sài Gòn:1972), I:95-6).

**A4.** Tháng 1-2/1689, Mai Vạn Long kéo binh tới Mỹ Tho. Đóng quân ở Rạch Gầm [Sầm Khê]. Gọi Huỳnh Tấn mang quân thủy bộ đến bàn định. (*ĐNTLTB*, VI, 1962:136)

Tháng 2-3/1689 [1 nhuận Kỷ Tị], Nặc Thu cử một người đàn bà đẹp có tài biện luận là Chiêm Đạo Luật tới thuyết phục Tấn chống lại chúa Nguyễn. Bởi vậy, Tấn chẳng những không tuân lệnh Mai Vạn Long, mà còn chia binh giữ những nơi hiểm yếu. Vạn Thông, người Quảng Ngãi, xin đi thuyết phục Tấn với tên giả họ Trương, người Long Môn, mà Tấn thường hâm mộ. Tấn nghe lời tới gặp Vạn Long. Nhưng Vạn Long đặt phục binh, định bắt Tấn. Huỳnh Tấn chạy thoát ra cửa Lôi Lạp. Vạn Long đánh vào doanh trại của Tấn, bắt giết hết vợ con Tấn. Giao tàn quân Long Môn cho Trần Thượng Xuyên quản lĩnh làm tiên phong, tiến sang Kamboja.

Phá được ba lũy Bích đôi, Cầu Nam, và Nam Vang. Nặc Thu rút về giữ thành Long Úc, và cử Chiêm Đạo Luật tới thuyết phục Vạn Long, xin hàng. Vạn Long rút quân về bản dinh.

Phúc Trấn cử cai cơ Nguyễn Hữu Hào thay Long, mang binh đánh Chân Lạp, và giáng Long làm thứ dân.

Tháng 2-3/1690, Nguyễn Hữu Hào chia quân đóng ở Bình Đồi. Tháng 6-7/1690, Phước Trăn sai người gặp Hữu Hào, đưa điều kiện cho hòa: Chân Lạp phải hiến 50 voi đực, 500 lạng vàng, 2,000 lạng bạc, 50 sừng tê giác. Nặc Thu chỉ nộp được 20 voi nhỏ, 100 lạng vàng, 500 lạng bạc. Tháng 7-8/1690, Nặc Thu sai người nộp 10 voi nhỏ, 50 lạng vàng, 100 lạng bạc, 6 sừng tê giác. Hữu Hào nhận, rút quân về Bà Rịa. Sau đó quyết định mang quân về kinh. Phước Trăn nổi giận, giáng làm thứ dân. (18)

18. *ĐNTLTB*, VI, 1962:136-143; *ĐNLT TB*, Thanh (1995), tr 252

**A6.** Tháng 3-4/1698, Nguyễn Phước Chu (7/2/1691-1/6/1725) đặt phủ Gia Định. Sai Nguyễn Hữu Kính, kinh lược Chân Lạp, chia đất Đông Phố. Lấy xã Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên (Biên Hòa), lấy Sài Gòn làm huyện Tân Bình dựng dinh Phiên Trấn (Gia Định). (đời Miên Tông đổi làm phủ), Mỗi dinh đặt chức lưu thủ, cai bạ, ký lục và cơ đội thủy bộ. Mở rộng đất được hơn 1,000 dặm, hơn 40,000 hộ dân. Cho lệnh chiêu mộ dân xiêu dạt từ Bồ Chính trở vào di dân đến cho đông.

Cho khách buôn Thanh lập xã Thanh Hà ở Phiên Trấn (Gia Định), lập thành xã Minh Hương. Từ đó khách buôn Thanh đều trở thành hộ dân. Tháng 11-12/1698 Nguyễn Phước Chu lấy Nguyễn Hữu Khánh làm lưu thủ dinh Trấn Biên (Biên Hòa). (19)

19. *ĐNTLTB*, VII. 1962: 153-154. Năm 1755, Võ Vương Khoát (1738-1765), đặt ra các loại thuế cho các thuyền buôn Tây Dương, Mã Cao, Nhật,.

Thượng Hải, Quảng Đông, Phước Kiến, Hải Đông, Xiêm, Lữ Tống. Hàng năm thu được từ 10,000 quan tới 30,000. Trích ra 60% nộp công quỹ; 40% chia cho quan lại và quân nhân; *Ibid.*, X, 1962:223-224)

**A7.** Tháng 7-8/1699, Nặc Thu (Chey Chetta IV vua thứ nhất ở Udong) làm phản. Trần Thượng Xuyên, đang giữ Doanh Châu (Vĩnh Long) báo về Huế. Tháng 11-12/1699, Phước Chu sai Nguyễn Hữu Kính làm thống suất đi đánh., trấn thủ Trần Biên (Biên Hòa) Nguyễn Hữu Khánh làm tiên phong. Tháng 3-4/1700. quân Nguyễn Hữu Kính tiến sâu vào đất Chân Lạp, đóng quân ở Rạch Cá (Ngư Khê). Quân Long Môn của Trần Thượng Xuyên đánh thắng nhiều trận. Tháng 4-5/1700, Hữu Kính phá tan quân Nặc Thu ở lũy Bích Đôi và Nam Vang. Thu bỏ thành chạy. Nặc Yêm, con thứ hai Nặc Nộn, ra hàng. Hữu Kính kéo vào thành.

Tháng 5-6/1700, **Nặc Thu xin hàng.** Hữu Kính rút quân về Long Đôi. Tháng 6-7/1700, Kính chết trên đường rút quân, ở Rạch Gầm (Sầm Khê), Mỹ Tho, **Định Tường.** (20)

20. *ĐNTLTB*, VII, 1962:155-156.

**A8.** Trong khi đó, Mạc Cửu, một người tị nạn Minh khác làm quan cho vua Chân Lạp tới chức Ốc Nha, cũng biến vùng đất Sài Mạt phía tây nam châu thổ sông Cửu Long thành một trung tâm giải trí, cờ bạc. Cửu còn tìm thấy một kho bạc, nên trở thành giàu có. Chiêu tập dân xiêu dạt tới Phú Quốc, Cần Bột, Giá Khê [Rạch Giá], Luống Cây, Hương Úc [Rạch Thơm], Kha Mao [Cà Mau], lập thành 7 xã thôn. Thấy đất ấy tương truyền

thường có tiên hiện ra nên đặt là Hà Tiên. Năm 1708, Cửu xin thần phục chúa Nguyễn. Phước Chu cho làm Tổng binh Hà Tiên. Cửu lập hành dinh ở Phương Thành, đất Chân Lạp cũ [tức Mùong Khảm]. Đất Phương Thành này cũng từng có tên “Đông Trụ,” nhưng chẳng hiểu do ai dựng lên, với mục đích gì.

**A9.** Các chúa Nguyễn chỉ trực tiếp cai trị miền nam trong cuộc tranh hùng giữa nhà Tây Sơn và dòng dõi Nguyễn Phước Khoát từ 1776 tới 1801. Nguyễn Phước Chung hay Ánh (Gia Long, 1/6/1802-3/2/1820) từng bị Nguyễn Huệ (1753-1792) nhiều lần đả bại, săn đuổi từ Gia Định tới Chà Là, Giá Ngự [Ngự], Long Xuyên, Phú Quốc, v.. v., Hai lần chạy trốn sang Krung-thêp [Bangkok] xin Rama I (1782-1809) cử quân cứu giúp. Nhưng sau trận thảm bại tháng 1/1785, Rama I “sợ oai Tây Sơn như sợ cọp,” nên từ 1785 tới 1787, chỉ sử dụng Nguyễn Chung, Lê Văn Quân như Lê-dương, giúp đánh chống Ava-Miến Điện hay hải tặc Chà Bà.

Mãi tới tháng 8/1787—sau khi anh em Tây Sơn bắt hòa về việc chia chác chiến lợi phẩm của Chúa Trịnh, và vùng lãnh thổ cai trị, gây cuộc tương tàn—Nguyễn Chung mới mang dư đảng về Nam Kỳ, thấp lại ngọn lửa “chín đời báo thù mới là đại nghĩa” trong *Xuân Thu*. Bị kế ly gián của Nguyễn Chung, Nguyễn Lữ bỏ về Qui Nhơn, khiến Phạm Văn Sâm [Tham] cuối cùng chạy khỏi Sài Gòn, đầu hàng Chung, rồi bị giết. Từ mùa Thu 1788, Sài Gòn và Nam Kỳ biến thành hậu cứ dựng nghiệp của Nguyễn Chung—nơi trắc nghiệm thế liên minh giữa vua quan bản xứ với các nhà truyền giáo, đại diện bằng Pierre J G Pigneau, Jean Bartlette, Jacques

Liot, v.. v.., cùng qui chế “công đồng.” Từ sau cái chết của Pigneau năm 1799, và Đông Cung thái tử Nguyễn Phước Cảnh năm 1801, vì bệnh đậu mùa, Nguyễn Chung tự xa lánh dần khỏi Ki-tô giáo. Chẳng những bãi bỏ chế độ công đồng, mà còn muốn trở thành “Nghieu Thuần.” Thảm kịch tranh chấp ngôi vua giữa Hoàng tử Nguyễn Phước Hiệu hay Đảm khởi đi từ năm 1805, lên cao độ năm 1815-1817, tiếp nối bằng cuộc thảm sát Tổng Thị Quyên, vợ Cảnh năm 1824, rồi cách Mỹ Đường (Hoàng tôn Đán) làm thường dân cho tới khi chết năm 1849. Hệ thống tuyên truyền của Hội Truyền Giáo lập tức tung ra những tin đồn như Nguyễn Phước Đảm hãm hại công thần “Phó vương” Nguyễn Văn “Thiềng;” loạn luân với chị dâu, rồi giết cả ba mẹ con để bịt miệng. Đệ nhất đẳng thông ngôn Petrus Key—sau đổi thành Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký—còn chép trong tập sách bài giảng sử dụng cho các trường ầu và tiểu học “Nam Kỳ thập” về phép tử hình “tam ban triều điện,” cùng sự bất mãn, chống đối của “Phó vương” Thái Giám Lê Văn Duyệt—người theo *Thực lục* nhà Nguyễn, đích thân làm án tử hình cha con Nguyễn Văn Thành năm 1816-1817, rồi chìm nước chết vợ Thái tử Cảnh vì tội loạn luân với con trai, tức Hoàng tôn Đán. (21)

21. Petrus Key, *Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse Cochinchine* [Bài giảng sử ký An-nam-mít dùng cho các trường ở Nam Kỳ thập] (2 tập, Sài Gòn: 1875-1877[1879]), II:259-60) Xem thêm Phụ Bản ***Petrus Key và Vụ án Tổng Thị Quyên-Hoàng tôn Đán***; trích từ Nguyễn Vũ, *Ngàn Năm Soi Mặt* (2004), tr 225-245..

Năm 1702: **Nguyễn Phước** Chu xin nhà Thanh phong làm An Nam Quốc Vương, nhưng bị từ chối. Một trong những lý do là năm 1667, Khang Hy đã phong vương cho Lê Duy Vũ (Huyền Tông) (*ĐNTLTB*, VII. & VIII, 1962:145-88)

Cần nhân mạnh, Phật Lang Tây không phải là sắc tộc đầu tiên đến An Nam. Ngày 25/7/1702, Công ty *East India Company [EIC]* của Đại Bri-tên thành lập một sở buôn ở Pulau Kundur [*Côn Lôn*, Poulo Condore] cho tới năm 1705?. Theo sử Nguyễn, tháng 9-10/1702 “Man An Liệt chiếm Côn Lôn với 8 chiến thuyền. Đầu mục là Đô Thích Già thị và 4 người khác. Hơn 200 người, trí đại bác phòng ngự.” Hơn một năm sau, tháng 11-12/1703, Trần thủ Trần Biên là Trương Phúc Phan “đẹp yên đảng cướp An Liệt.” Phan thuê 15 người Chà Và làm kế trá hàng bọn An Liệt, để thừa cơ hội chúng sơ hở thì giết. Một đêm bọn Chà Và phóng lửa đốt trại, đâm chết hai người, bắt sống 1 người (ngũ ban). Hai sĩ quan khác chạy thoát. Phúc Phan sai thuyền ra Côn Lôn, thu hết của cải, dâng nộp về Huế. Sĩ quan An Liệt bị đóng gông giải về kinh, nhưng chết dọc đường. (22)

22. *ĐNTLTB*, VII. & VIII, 1962:159, 161.

Tài liệu Tây phương ghi quân Maccassarese nổi loạn năm 1705.

**A10.** Tháng 8-9/1705, Nguyễn Phước Chu lại can thiệp vào những cuộc tranh chấp nội ngôi bất tận của các vua Kambojia. Sai chánh thống cai cơ Nguyễn Cửu Vân đưa Nặc Yêm [Ang Em, con Nặc Nộn, em rể Nặc Thâm] về nước. Yêm đã chạy qua Gia Định vì bị Nặc

Thâm [Thommo Réachéa], con Nặc Thu, Ang Saur, mang quân Xiêm xâm lăng. Cửu Vân đánh tan quân Xiêm ở Rạch Gầm. Thâm đốt thành, cùng em là Nặc Tân lại chạy qua Xiêm. Yêm trở về thành La Bích. Cửu Vân đóng quân ở đây, khuyến khích quân sĩ cày cấy lấy lương thực, đắp lũy phòng ngự. Nhưng Thượng Xuyên bệnh chết. (Con là Đại Định sau lên tới Thống Bình).

**A11.** Tháng 5-6/1731, người Ai Lao là Sà Tốt mang quân Chân Lạp vào đánh Gia Định. Cai cơ Đạt Thành bị giết ở Lật Giang. Nguyễn Phước Trú (1/6/1725-17/6/1738) đặt chức **điều khiển Gia Định** [một nha li ở phía nam Phiên Trấn]. Giao cho Thống suất **Trương Phúc Vĩnh** chỉ huy. Thống binh **Trần Đại Định** [con Trần Thượng Xuyên] đánh giặc ở Vườn Trầu. Phúc Vĩnh và Nguyễn Cửu Triêm hợp binh cùng đánh. Giặc thua chạy về Vũng Gù. Đại Định tiến vào Cầu Nam. Con Nặc Yêm là Nặc Tha [Prah Sotha, vua Sotha II] chạy ra Sơn Bô. (?). Đại Định tiến vào Cầu Nam. Nặc Yêm sai Nặc Tha xin hòa, để Chân Lạp tự sức đánh. Nhân mùa nước lụt, Phúc Vĩnh đồng ý lui binh.

Tháng 1-2/1732, giặc Lao cướp phá Cầu Nam. Trương Phúc Vĩnh mang quân Gia Định qua hỏi tội Nặc Tha. Tha dứt lốt, xin tha tội. Vĩnh lưu Trần Đại Định ở lại, rút quân về. Thấy đánh lâu không thắng, Nguyễn Phước Trú quả trách. Vĩnh trút tội cho Đại Định.

Tháng 5-6/1732, Trần Đại Định tiến quân đến Lovek [Lô-việt], phá được giặc. Nặc Tha hết sức giúp đỡ. Khi kéo quân về, biết tin Vĩnh mật tâu trút tội cho mình, nửa đêm Đại Định vượt biển về Quảng Nam. Tới Núi Bút, thuộc hạ khuyên nên tránh đụng chạm với người thế lực, Đại Định không nghe, ghé Quảng Nam

làm biểu trình. Tạm giam ở ngục Quảng Nam chờ điều tra. Đại Định chết trong ngục. Phước Trú truy phong làm Đô đốc; cách Phúc Vĩnh xuống cai đội. Phước Trú còn cho Cai cơ **Nguyễn Hữu Doãn** thay Vĩnh làm điều khiển Gia Định. Nguyễn Cửu Triêm làm Thống dinh Trấn Biên. Người Chân Lạp sợ Cửu Triêm như sợ cọp, nên mới có lệnh ấy.

Từ năm này, chúa Nguyễn đặt châu Định Viễn (sau là phủ Trấn Viễn) và Dinh Long Hồ (Vĩnh Long). Miền Nam lầy lội, rừng rậm, rất khó giao thông. Hữu Doãn cho làm đường từ Cầu Sơn [phía Bắc Tân Bình] tới Hưng Phước [Biên Hòa], tùy chỗ đặt trạm, gọi là đường Thiên Lý. (23)

23. *ĐNLTB*, IX, 1962:194-195; *ĐNLTTB*, Thanh (1995):254-255 [truyện Trần Thượng Xuyên, 251-255]. Đường từ Huế vào Gia Định dài 1881 dặm [hơn 940 cây số]. *ĐNNTC*, q XXXI: Gia Định, (1997), 5:199 [199-251]. Năm 1835, khi chạy cờ đỏ báo tin tái chiếm Gia Định thành, chỉ mất 6 ngày.

**A12.** Từ thập niên 1770, phần do tình trạng suy yếu của chúa Nguyễn, mở đường cho cuộc “cách mạng” của anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ, vua Xiêm là Taksin xâm lấn Chân Lạp và cướp phá Hà Tiên. Sau khi được tôn làm nguyên súy năm 1778, Nguyễn Phước Chung sai Đỗ Thanh Nhân đánh chiếm Trà Vinh, mở rộng vùng kiểm soát xuống vùng Vĩnh Long hiện nay. Nhưng cuộc chinh phạt năm 1783 và 1784 của anh em Tây Sơn khiến Nguyễn Chung phải rời nước, sau một thời gian dài trốn tránh ở các hải đảo hay vùng bán

đảo Cà Mau. Có thể nói đây là thời gian quý báu cho người Việt tìm hiểu rõ hơn những lãnh thổ mới sở hữu.

Năm 1790, từ Xiêm về lần thứ hai, Nguyễn Chung xây thành bát quái, ở trên gò cao thôn Tân Khai, tổng Bình Dương, gọi là kinh Gia Định. Năm 1802, đổi gọi là trấn Gia Định. Sáu năm sau, Nguyễn Phước Chung mới lập Gia Định thành, đặt tổng trấn, hiệp trấn và phó trấn, trông coi 5 trấn đã vào bản đồ từ năm 1780.

Tháng 4-5/1824, Quốc vương Ang Chan [Nặc Chân] xin dâng ba phủ Lợi Y Bát, Chân Sâm và Mật Luật để tạ ơn Bảo hộ Nguyễn Văn Thoại đã bảo vệ, trừ nạn nước Xiêm, dẹp yên giặc sư Kế, công lao còn hơn Mạc Thiên Tứ. Nguyễn Phước Đảm (Minh Mạng, 14/2/1820 -20/1/1841) đồng ý với Lê Văn Duyệt, chỉ nhận hai phủ Chân Sâm và Mật Luật gần Châu Đốc để bảo vệ bờ cõi. Tuy nhiên, vẫn cho Ang Chan thu thuế như cũ. (*DNTLCB*, II, 7:1824-1825:40-41)

Sau loạn Nguyễn Hựu Khởi năm 1833-1835, Nguyễn Phước Đảm phá thành Gia Định cũ, xây thành đá ở thôn Nghĩa [Mỹ] Hòa, huyện Bình Dương. Chu vi 429 trượng, cao 10 trượng 3 tấc, hào rộng 11 trượng 4 thước, sâu 7 thước. Mở 4 cửa, [5:209]

Theo Linh Mục de la Lirya, chánh thông ngôn của Rigault de Genouilly, thành Sài Gòn gồm 4 mặt bán nguyệt và 4 cửa. Mỗi mặt dài từ 7 tới 800 mét, ngay tại trung tâm khu dân cư. Số dân vào khoảng 200,000. Thành không nằm sát trên bờ sông, mà lẩn vào cây cối và nhà cửa khác. Nhờ tin tình báo chính xác, hải pháo Pháp bắn vào thành khoảng nửa giờ trước khi các mũi quân bộ binh tiến vào thành. Có tin đồn trong dân gian

rằng “Phó vương [Nguyễn Tri Phương] sẽ trở về Nam trưng trị giặc Pháp.”

Vua cũng chia:Nam Kỳ thành sáu [6] tỉnh Gia Định, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, An Giang và Hà Tiên. Tổng đốc An Biên còn ở xa lĩnh thêm tỉnh Bình Thuận, tỉnh cuối của Hữu trục kỳ. Kinh Vĩnh Tế trở thành ranh giới phía tây của Nam Kỳ.

**Từ năm 1824, vua cũng cho Lê Văn Duyệt bắt đầu thu** thuế đình, thuế ruộng ở Hà Tiên. Tổng số dân có 668 người. Chia làm 37 xã, thôn, sách. Ruộng vườn 348 khoảnh. Có 12 xã thôn người Hán [Việt], 168 người. 25 sách Chân Lạp: 279 người. Mỗi năm chỉ thu thuế 1 tiền. 1 xã Minh hương: 83 người. Người Đường: 138 người. (*ĐNTLCB*, II, 7: 1824-1825, 1964:56-7) Năm 1824 này, còn đặt cơ ở Hà Tiên. Cơ có 5 đội, mỗi đội 50 người. (*ĐNTLCB*, II, 7: 1824-1825:50) Tuy nhiên, dòng họ Mạc Cửu không còn được cha truyền con nối chức tổng binh.

Năm 1837, sau cái chết của Ang Chan, Nguyễn Phước Đảm nảy tham tâm chiếm hữu Kambojia, đổi tên Trấn Tây thành. Năm sau, Phước Đảm đổi tên nước thành Đại Nam, [hay, Đại Việt Nam cũng được. Tuyệt cấm không được dung tên Đại Việt nữa.]. Vì lịch đã in, bắt đầu từ năm Minh Mạng 20 (1839) sẽ chính thức phát lịch. Trong khi chờ đợi, in 3,000 cuốn tạm phát cho các quan. (*ĐNTLCB*, II, 20:65-6)

Đời Hường Nhiệm, Gia Định gồm hai phủ Tân An, và Tây Ninh. Số đình lên tới 32,826. so với 28,200 đời Gia Long, tức tăng lên khoảng 16.44%. (5:211) Đời Miên Tông—có lẽ vì yêu quý vương phi Phạm Thị Hằng, vua đặt Gò Khổng Tước tức Gò Công, trước

thuộc huyện Kiến Hòa, Định Tường. vào tỉnh Gia Định. (5:213) Dưới thời Pháp thuộc, Gò Công được nâng lên cấp tỉnh với diện tích 600 cây số vuông, dân số 119,0000. (24)

24. *ĐNNTC* (1997), 5:209, 211, 213; *ASI, 1946*, Part II, Tableau 1, p 27.

Sau trận đánh năm 1859, Rigault de Genouilly cho lệnh phá hủy thành cũ. Lực lượng tử thủ Sài Gòn của Pháp rút về phía nam Gia Định. Sau đó mở rộng vòng đai an ninh tới Chợ Quán, nơi Giám Mục Lefèbre lập thêm một xóm đạo, vừa được quân Pháp bảo đảm an ninh, vừa thủ vai phen dậu cho vị trí Pháp. Sau này, Pháp chia Gia Định làm ba tỉnh: **Gia Định**, **Chợ Lớn** (Tân Bình cũ), và **Tây Ninh** (phủ Tây Ninh cũ). Di dân Quảng Đông và Hải Nam cũng xuất hiện, thành lập những cơ cấu hành chính đầu tiên.

Lefèbre cũng thiết lập thêm một xóm giáo dân mới ở Chợ Quán. Tuy nhiên, Rigault chỉ cho phép họ “mượn tạm” đất đai của các gia đình phiêu bạt tị nạn lên Biên Hòa hay các tỉnh miền Tây để dùng họ làm phen dậu cho vị trí đóng quân của Pháp.

## II. PHÁP CHIẾM BA TỈNH MIỀN ĐÔNG:

Từ ngày 10/12/1860, Charner bắt đầu tổ chức tại Thượng Hải đạo quân tăng viện cho Sài Gòn. Lực lượng khá đông, gồm hai chiến hạm *L'Impératrice Eugénie* và *Renommée*, 37 tàu chiến đủ loại, 1 tàu bệnh, cùng một số thuyền buồm. Bộ binh có 800 TQLC, Tiểu đoàn 2, và hai [2] pháo đội. Tổng cộng khoảng 2,200 binh sĩ và

600 dân phu mộ tại Quảng Đông, 272 lừa ngựa. Trưa 7/2/1861, Charner tới Sài Gòn trên soái hạm *L'Impératrice Eugénie*. Lúc này một lực lượng TQLC, gồm chín [9] đại đội, khoảng 900 người dưới quyền Đại tá HQ Lapelin, đã được tăng viện cho Charner, nâng tổng số quân Pháp lên khoảng 4,200 người. Ngày 18/2/1861, thêm một tàu chiến tới tăng cường, đưa số thủy binh lên 395 người. Phần Jauréguiberry, sau khi thắng cấp Đại tá, về Pháp theo đơn xin; (25)

25. Thư ngày 26/2/1861, Rieunier gửi cha; SHM (Vincennes), GG2-198, carton 1; Thư ngày 19/2/1861, Charner gửi Page; GG2-44, carton 3/3. GG2-99, carton 3.

## II. LŨY KỲ HÒA THẤT THỦ:

Ngày 24/2/1861, Charner tấn công “đại đồn.” Lũy Kỳ Hòa này, như đã lược nhắc, rất rộng, trải dài từ Lăng Cha Cả (mộ Pierre Pigneau trước 1981)—sát phi cảng Tân Sơn Nhất—tới gần chùa Cây Mai, Chợ Lớn. Đây là công trình phòng thủ chiến lược vĩ đại nhất, cũng nỗ lực cuối cùng, của triều Nguyễn. Lực lượng phòng thủ trừ tính từ 20,000 tới 30,000 quân. Tuy nhiên, không rõ số quân Nguyễn thực sự tham chiến. Theo tờ trình của Chaigneau lên vua Pháp đầu năm 1820, Nguyễn Phước Đảm có khoảng 30,000 kinh binh, chia làm năm [5] quân [colonnes], 40 vệ [régimens]. Mỗi quân [4800] có 8 vệ [600 người], 80 đội [companies, 60 người]. Mỗi vệ [hay cơ], gồm 1 chưởng vệ [colonel], 1 phó chưởng vệ [Lt-Colonel], 1 đại úy và 1 trung úy trong ban Tham Muu. Ngoài ra còn 5 đạo [legions], gồm các vệ địa phương, tức biên binh. Tại Sài Gòn có tới 16 vệ [9,600

người]. Thủy sư: gồm các tàu 16, 18, 20, và 22 đại bác. Thuyền chèo nhỏ, 40-44 tay chèo [rames]. Thuyền lớn [grandes galères], 50-70 tay chèo. (26)

26. “Notice sur la Cochinchine fournie par M. Chaigneau;” *BAVH*, X:2 (4-6/1922), tr. 257-84 [253-84].

Số quân kinh binh gửi vào Sài Gòn có lẽ cũng chỉ tương đương với lực lượng Nguyễn Tri Phương sử dụng ở Đà Nẵng, tức khoảng 8-9.000 người. Còn lại là biên binh của các tỉnh. Ngoài ra, có lực lượng voi trận.

Pháp dùng pháo binh bắn phá dữ dội thành lũy, rồi mở nhiều đợt xung phong. Quân Nguyễn, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương đã hết sức cầm cự, ngăn chặn và đẩy lui nhiều đợt tấn công của liên quân Pháp-Espania. Giao tranh diễn ra ác liệt từ 6 giờ sáng. Phe liên quân Pháp-Espania, Tướng Vassoigne, Tư lệnh Bộ binh Pháp, và Trung tá Palanca y Gutierrez bị thương nặng lúc tấn công Lũy Bằng (gần đồn Cây Mai). Charner phải đích thân chỉ huy. Tới 9 giờ, Lũy Bằng thất thủ.

6 giờ chiều đó, quân Pháp tiến cách trung tâm Kỳ Hòa khoảng 2 cây số. Pháp thiệt hại khá nặng, khoảng 200 người chết và bị thương. Hôm sau, Pháp phá được đại đồn. Nguyễn Tri Phương bị thương, em là Nguyễn Duy tử trận. Quân Việt hy sinh hơn 1,000 người, rút về Thủ Dầu Một, khoảng 20 cây số bắc Sài Gòn. (27)

27. Thư ngày 25/2/1861, Charner gửi Page; SHM (Vincennes), GG2-44, carton 3. Tài liệu nhà Nguyễn ghi Pháp sử dụng tới 30 tàu chiến và 10,000 lính; *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 184-185.

Việc phóng đại số quân Pháp tham dự các trận đánh hay bị thương vong là một thông lệ hơn biệt lệ trong *Thực lục*. Một tài liệu khác ghi quân Pháp vào khoảng 4,000 người. Trung tá TQLC Tétard chết.

Ngày 28/2, quân Pháp tiến đánh Thuận Kiều, khoảng 20 cây số phía bắc Kỳ Hòa, và Tân Thới. Quân Nguyễn rút về Biên Hoà. Tỉnh thần Gia Định—tức Tuần phủ Đỗ Quang, Bộ chính Đặng Công Nhượng, Án sát Phạm Ý—rút lên Tây Ninh. Nhưng ở đây dân Khmer và tin đồ Ki-tô nổi loạn, họ phải chạy về Biên Hoà, phía đông bắc Sài Gòn khoảng 30 cây số..

Đỗ Quang người huyện Gia Lộc, Hải Dương. Tiến sĩ năm 1832, thụ Tuần phủ Định Tường từ 1848. Bị cách chức vì tâu buôn ngoại quốc lậu thuế. Ngày bị cách chức, dân Định Tường khóc như mưa. Cho phục chức, làm án sát Nghệ An, rồi Bộ chính. Năm 1860 được cử Thụ tuần phủ Gia Định, với nhiệm vụ tổ chức hương đồng kháng Pháp. (28)

28. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 220; *DNCBLT*, q.31, (1993), IV:140-143. Tháng 5/1862, về kinh, bổ tuần phủ Nam Định. Bắt đầu bất mãn. Năm 1866, xin từ chức. Hơn một tháng sau, chết bệnh. Thọ 60 tuổi;

Một trong những cấp chỉ huy Đỗ Quảng tuyền mộ được là Phó Lãnh binh Trương Định. Nhưng Pháp cũng chọn được trong khối giáo dân nhiều lính mã tà hay lạp binh. Cuộc lương-giáo tương tàn đã khởi đầu từ những thước đất chiến địa rừng núi và kinh rạch miền nam.

Được tin Kỳ Hòa thất thủ, Hoàng Nhiệm sai Tôn Thất Đính—cha Tôn Thất Thuyết, người sẽ đóng một

vai trò quan trọng từ thập niên 1880—mang 1,000 lính kinh, cùng 1,000 biên binh ba tỉnh Phú Yên, Bình Thuận, Khánh Hòa vào chống cự. Đồng thời cử Thượng thư Bộ Hộ Nguyễn Bá Nghi—từng cai trị Hà Tiên, và dẹp tan “loạn cào cào” hay “châu chấu,” khiến cả gia đình Cao Bá Quát (?1819-1855) đất Phú Thị, Gia Lâm, bị thâm sát—đi ngựa trạm vượt qua hơn 900 cây số vào Biên Hòa, xem xét tình hình. (29)

29. Ngựa trạm là một hệ thống chuyên vận cấp tốc từ các địa phương quan trọng về kinh đô Huế. Năm 1835, sau khi tái chiếm Gia Định thành, người báo tin mang cờ đỏ chỉ cần bốn [4] ngày, mười một [11] giờ đã tới Huế, được Nguyễn Phước Đảm khen thưởng. *ĐNTLCB*, II, 17: 1835b, 1966:48-49.

Trong khi đó, được tin quân nhu, quân cụ mất hết, Hoàng Nhiệm gửi thêm 200 lính kinh ở Quảng Nam vào Nam. Khâm sai Nghi được cử làm Thống đốc; Tôn Thất Đính làm Đề Đốc; Vệ úy Nguyễn Thông thăng lên chưởng vệ, phó đề đốc; với Phạm Xuân Quế chức tán tương. Nguyễn Tri Phương thì bị giáng xuống Tham Tri; Phạm Thế Hiển, Lang Trung; Tôn Thất Cáp, Viên ngoại. Nhưng cho Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển tập hợp tàn binh, lo chống đỡ những tỉnh còn lại. Sau lại sai thị vệ Nguyễn Đình Vũ mang thuốc cho Nguyễn Tri Phương. (30)

30. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:185-187.

Đồng thời cho lệnh khuyến khích hương hào, nhân sĩ tuyển mộ nghĩa dũng đánh Pháp khắp năm tỉnh còn lại miền Nam, cùng sáu đạo Nam, Ngãi, Bình, Phú,

Thuận, Khánh. Ai mộ được 50 đồng thì được xuất đội [tòng ngũ phẩm], 500 người được chức quản cơ [tòng tứ phẩm], mộ được hai, ba cơ thì được cấp cao hơn. Để đẩy mạnh phong trào, Hoàng Nhiệm còn bí mật sai Lê Quang Tiên, Đỗ Thúc Tĩnh vào Gia Định và Định Tường, vì trên thực tế Pháp chỉ đủ khả năng kiểm soát tỉnh thành và thủy lộ quan trọng. (31)

31. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 185, 188-189, 190-191 [mộ đồng], 203-204, 208-209. Xem thêm truyện Đỗ Thúc Tĩnh, trong *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện [ĐNCBLT]*, IV:290-292 (q.37).

Từng chứng kiến cảnh hải pháo Pháp tàn phá cửa Hàn, lập trường của Nghi thật rõ: Hòa bằng mọi giá. Việc khích động tinh thần chống ngoại xâm chỉ nhằm tạm thời ổn định lòng người, và một số vốn tối thiểu để bàn định hiệp ước. Chủ tâm này của mẹ con Hoàng Nhiệm cùng nhóm cận thần Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp, Nguyễn Bá Nghi, v.. v.. chỉ được vụng về che đậy bằng cảnh tự đâm ngực than khóc, hay viết cả lên văn bia những lời “thẹn, hối”—trong khi thực cảnh đòi hỏi những quyết định dứt khoát, nhanh và mạnh.

### **III. PHÁP CHIẾM ĐỊNH TƯỜNG (MỸ THO):**

Mục tiêu của Charner không giới hạn trong việc giải vây Sài Gòn. Từ tháng 12/1860, Charner đã xin Paris cho chiếm toàn bộ sáu tỉnh miền Nam. Nhưng Bộ trưởng HQ&TĐ Pháp chưa có quyết định dứt khoát, ngoài ý niệm ký hòa ước đặt Đại Nam trong vùng ảnh hưởng của Pháp. Ngày 26/2/1861, Chasseloup-Laubat

cho lệnh Charner thương thuyết với Huế, đồng thời tiếp tục mở rộng vòng đai an ninh Sài Gòn. (32)

32. Công điện ngày 22/12/1860, Charner gửi Laubat; CARAN (Paris), Fonds Marine, BB4-788; Lệnh ngày 26/2/1861, Chasseloup gửi Charner; CAOM (Aix), carton 10, A 30 (1); Cao Huy Thuần, 1990:73. Quyền lợi thế tục bắt đầu vượt thắng hào quang thập tự quân.

Ngày 10/3/1861, Charner cho tàu *Lilly* và một đại đội “lập binh [*chasseur*]” thám thính sông Vàm Cỏ (Vaico) để chuẩn bị chiếm thành Mỹ Tho. Tổng đốc Nguyễn Công Nhân một mặt xin lệnh Nguyễn Bá Nghi, mặt khác yêu cầu Vĩnh Long tăng viện. Khâm sai Nghi chỉ thị Nhân đừng nên chuẩn bị tác chiến, và gửi đại diện đến gặp Page, thông báo Nghi đang thương thuyết với Charner. Tuy nhiên, việc hòa nghị không thành.

Ngày 12/4, cánh quân của Page chiếm Mỹ Tho, tây nam Sài Gòn khoảng 70 cây số, không tốn một viên đạn. Hai quan thủ thành nổi lửa đốt kho tàng và tài liệu, bỏ chạy. Tổng đốc Nhân, Án sát Huỳnh Mẫn Đạt, cùng các sở quan phân tán khắp nơi. Quân tăng viện của Trương Văn Uyên cũng phải rút về Vĩnh Long, nằm về phía tây nam Định Tường—giữa hai nhánh Tiền và Hậu Giang. Sự thất thủ Mỹ Tho là điều ai cũng có thể tiên đoán. Tỉnh thành đắp bằng đất ở hai thôn Điều Hòa và Bình Biên, huyện Kiến Hưng, chu vi 320 trượng, cao 9 thước 5 tấc, mở 4 cửa, hào rộng 8 trượng, sâu 6 thước, 5 tấc. Mặc dù số đinh triều Hường Nhiệm đã tăng lên 22,584. [5:94], so với 19,800 đời Nguyễn Chung, nhưng khó thể cầm cự với chiến hạm của Page. (33)

33. *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:197-201, 208-209; *ĐNNTC*, q XXVIII: **Định Tường**, (1997), 5:52, 95 [87-120]. Pháp sẽ chia Định Tường làm ba tỉnh Mỹ Tho (Kiền Hưng, diện tích 2,300 km<sup>2</sup>, dân số 430,800), Gò Công (Kiến Hòa, 600 km<sup>2</sup>, 119.300 dân) và Sa Đéc [Chợ Sắt], tức Kiến Đăng, 1,600 km<sup>2</sup>, 260,600 dân). Vĩnh Long có 4 đơn vị hành chính, Vĩnh Long (phủ Định Viễn, 1,600 km<sup>2</sup>, 215,100 dân), Bến Tre (Hoang Trị, 1,500 km<sup>2</sup>, 347,200 dân), Trà Vinh (Lạc Hóa, 285,600), và Côn Đảo (100 km<sup>2</sup>, 5,200 dân [đa số là tù chính trị hay thường phạm]. *Ibid.*, q XXIX, **Vĩnh Long**, (1997), 5:., *ASI*, 1946, Part II, p 27.

#### C. KẾ HOẠCH BÌNH ĐỊNH CỦA CHARNER:

Tạm hài lòng với những thành đạt quân sự, trong ba tháng kế tiếp, Charner dồn mọi nỗ lực vào việc bình định vùng đất mới chiếm đóng. Lý do chính là các quan nhà Nguyễn ở 7 phủ, 13 huyện đều bỏ nhiệm sở, tản cư về những tỉnh chưa lọt vào tay Pháp. (34)

34. SHM (Vincennes), GG2 44, carton 3. d. 4; *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:238. Xem thêm Léopold Pallu de la Barrière, *Histoire de l'expédition de Cochinchine en 1861* (Paris: Hachette, 1864, 1888), tr.159; Osborne, *Rule and Response*, 1969:59. [Sẽ dẫn: Pallu de la Barrière, 1888]

Charner thiết lập chế độ quân quản, đưa một số sĩ quan Hải quân qua ngạch cai trị thuộc địa, với tước hiệu thanh tra bản xứ vụ (*Inspecteur des affaires indigènes*). Để vượt qua bức tường ngôn ngữ, Charner hoàn toàn

trông cậy ở sự cố vấn và trợ giúp của giới truyền giáo, đặc biệt là hai Giám mục Lefèbvre và Miche. Nhờ vậy, Charner tuyển được khá đông thông sự (*interprète*), ký lục (*lettré*) trong số “kẻ giảng” bỏ tu và giáo dân Ki-tô. Petrus Key (Trương Vĩnh Ký), Paulus [Huỳnh Tịnh] Của, Trương Minh Ký, Tôn Thọ Tường, v.. v... chỉ là những người nổi bật nhất trong số khai quốc công thần của “tân trào” thực dân Pháp. (35)

35. Pierre Khorat, “ Les personnalités catholiques;” *Annales de la Société des Missions Etrangères* (Paris), 1913, pp 243-249. Bốn nhân vật lừng lẫy : Trần Lục, Petrus Key, Trần Bá Lộc. và Huyện Sĩ Lê Phát Đạt.

Dù không được xếp ngang hàng với Petrus Ký hay Trần Lục, Paul Nguyễn Trường Tộ (1831?-1871), người hầu cận của Giám mục Đường Ngoài Nam J D Gauthier, thời gian này cũng có mặt trong lực lượng thông ngôn. Paul Tộ tự mô tả về mình:

“Về việc học không môn nào không để ý tới. Cái cao của thiên văn, cái sâu của địa lý, cái phiền toái của nhân sự, cho đến luật lịch, binh quyền, tạp giáo, dị nghệ, các môn cách trí, thuật số không môn nào tôi không khảo cứu, nhất là sự dọc ngang, tan hợp trong thiên hạ. Thường những người học được như vậy hay dùng đó làm phương tiện để cầu vinh, cầu tiến thân, còn tôi dùng để đền đáp lại cái mà trời đã cho tôi học được, chứ không mong kiếm chác được đồng nào.” [138]

Công: 6 điều. Góp vào việc bàn hòa [với chức vụ thông ngôn với Pháp, gửi “Hòa từ” cho Nguyễn

Bá Nghi năm 1861, và rồi Phan [Thanh Giản?], Phạm Phú Thứ. Từng thông báo về việc hải tặc Quảng Yên, tức Tạ Văn Phụng, mạo danh con cháu nhà Lê là Lê Duy Minh rồi Lê Duy Phụng, v.. v... [139-144]

Tội: 3. Thứ nhất, ngạo mạn; thứ hai, nằm trong lòng địch mà có chí khác; thứ ba, không biết ẩn dật, viết điều trần khoe danh. [144]

tự hào tài giỏi hơn Đông Phương Sóc. Dâng các bài Thiên hạ phân hợp đại thế luận, Tế cấp luận, Giáo Môn luận, v.. v... [145]. (36)

36. Di thảo số 3, “Trần tình;” (13/5/1863 [26/3 TĐ XVI]); *Nam Phong*, (Hà Nội) số 107, tr. 54-59; chữ Nho [HV] 189/1, tờ 53-64; [HV] 135, tờ 129-145; và [HV] 634/1, tờ 85-103, viết năm 1863 hoặc 1864). Trương Bá Cần, *Nguyễn Trường Tộ: Con người và di thảo*, tái bản có bổ sung (TP/HCM: Phương Nam, 2002), tr 139-142. Có tác giả cho là Di thảo số 1 Lê Thước, Đào Duy Anh cho là ngày 13/5/1863 [26/3 TĐ XVI]; Cần, 2002:138-147) ghi là Di thảo số 1 mang tựa “Thiên hạ phân hợp đại thế luận.”

Nguyễn Trường Tộ xứng đáng được nghiên cứu theo phương pháp khoa học nhân văn. Tại Việt Nam, mới chỉ có những cung văn, hay đào mộ. Việc dùng tên Nguyễn Trường để đặt tên trường Vinh (Nghệ An) hay Petrus Ký cho trường trung học Sài Gòn là kết quả của chiến dịch tuyên truyền không ngừng nghỉ, để vinh danh những người theo đạo Ki-tô đã phục vụ Pháp—như những câu “đầy vua, không Khả, đào mả không Bài..”

Thực ra, Nguyễn Trường Tộ cùng chủ nhân là Giám Mục Gauthier [Ngô Gia Hậu] chẳng giúp ích được gì cho Hoàng Nhiệm hay vương quốc Đại Nam, ngoài những bài văn khoe khoang tài trí—trên thông thiên văn, dưới hiểu địa lý, giữa thấu lòng người, hay túi khôn quán triệt 500 năm văn minh, chính trị Âu Á. Chỉ nguyên ý niệm tiên thiên phải dựa vào Hội truyền giáo, hoặc Vatican để canh tân là một ham hố lớn của Nguyễn Trường Tộ. Thảm kịch gia đình Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn và Ngô Đình Thục là một trong những tấm gương soi gáy ó máu cho những người tham vọng muốn nhờ các Giáo Hoàng hay tổ chức Ki-tô để mưu cầu quyền lực, danh vọng, hay quyền lợi. (37)

37. Chính Đạo, *Cuộc Thánh Chiến Chống Cộng* (Houston: Văn Hóa, 2004) ; Nguyên Vũ, *Ngàn Năm Soi Mặt* (Houston : Văn Hóa, 2004); Vũ Ngự Chiêu, *Thảm Kịch Ngô Đình Nhu (1910-1963) : Chết Khó Nhắm Mắt* (Fountainvalley, CA: Hợp Lưu, [sẽ in, 2016])

Nguyễn Trường Tộ có thể có tinh thần quốc thống Việt hơn Petrus Key, nhưng trên cơ bản còn chưa hiểu thấu thực chất lạnh lùng, tàn nhẫn của nền chính trị thế giới Trung cổ, nhất là ảnh hưởng những thánh lệnh của các Giáo Hoàng Roma vào cuối thế kỷ XV đến thế kỷ XVI-XVII. Ý định cuối đời, muốn lợi dụng Bri-tên để chống Pháp là một sai lầm lớn—không hay chưa hiểu tinh thần thực dụng của các lãnh tụ Bri-tên và Pháp. Trần Tiến Thành—một người Việt gốc Hoa, thay thế Trương Đăng Quế từ khoảng năm 1863—có lẽ đã trực giác được tình cảnh **“cùng một giuộc với nhau”** của

các nước Âu Mỹ—qua kinh nghiệm liệt cường xâu xé Trung Hoa trong thế kỷ XIX. Dù có những dị biệt lớn về quyền lợi và an ninh quốc gia, họ vẫn có thể liên kết, nếu cần, để chia nhau những kho tàng và tài nguyên thiên nhiên tại những nước còn ngủ vùi trong những giấc mơ Trung Cổ hay Thượng Cổ, tự coi mình là tâm điểm của vũ trụ. Vào thập niên 1860-1870 có lẽ đã quá trễ cho nhà Nguyễn để đổi mới. Vị trí chiến lược phía tây nam Trung Hoa luôn tiềm ẩn một đe dọa thường trực cho bất cứ triều đại nào. Trong thập niên 1870, chẳng hạn, tham vọng tìm tài nguyên thô và thị trường cho hàng hóa Pháp, khiến các giới chức quân sự và thuộc địa quyết định trắc nghiệm trực thông thương từ Cửa Cẩm lên Vân Nam—sau khi chuyến thám hiểm sông Cửu Long thất bại chỉ còn Thiếu tá Francis Garnier sống sót, mang thi hài Trung tá Doudart de Lagree về Sài Gòn—với kết quả duy nhất là thiết lập nền bảo hộ ở Bắc Kỳ. Từ năm 1950, chính phủ Harry S Truman bắt đầu phiêu lưu vào Việt Nam không vì những quyền lợi tại ngay bán đảo Đông Dương, mà vì việc “mất” Trung Hoa năm 1949, và hiểm họa Cộng Sản Quốc Tế tràn xuống Đông Nam Á, nếu không kịp đắp đê chống giữ ở Bắc Kỳ. Trái bom nguyên tử đầu tiên của Liên bang Xô Viết, và chính sách bài Mỹ cực đoan của Mao Nhuận Chi giúp Eisenhower khai sinh ra thuyết “domino,” với con bài Siêu Domino là Nhật Bản. Bài học biển Đông Nam Á vào đầu thế kỷ XXI là một thí dụ mới nhất, cho những người còn quan tâm đến số phận dân tộc Việt, ở nhận thức “cửa ngõ chiến lược tây nam Trung Hoa.”

Không thích tài lợi, vợ con [vì muốn đi tu?].

Tuy nhiên, muốn hòa cũng chẳng dễ. Mắt nhìn Pháp với Đại Nam đã thay đổi sau hiệp ước Thiên Tân với nhà Thanh năm 1860. Bởi vậy, sau những cuộc tiếp xúc sơ khởi, Charner cho lệnh đánh chiếm Mỹ Tho, rồi mở rộng vòng đai phòng thủ quanh các vị trí đóng quân. Để tạo áp lực bắt Huế ký hòa ước, Charner còn cho lệnh phong tỏa kinh tế, rồi ban hành thiết quân luật và giải tán các đồn điền, trung tâm kháng chiến ở thời điểm này.

Trong năm 1861, Charner còn lập nên nhiều đơn vị phụ lực bản xứ (lính tập hay mã tà) để đánh dẹp lực lượng nghĩa quân kháng Pháp với giá rẻ và hạn chế những mầm mống bất mãn, nếu có, ở mẫu quốc, Mặc dù thoạt tiên chỉ một thiểu số giáo dân miến cưỡng đi lính cho Pháp, phong trào tòng quân ngày càng lên cao. Đa số là giáo dân hay những người mới theo đạo. Trào lưu này mở đường cho những người như Trần Bá Lộc, Đỗ Hữu Phương, Trần Tử Ca, Huỳnh Công Tấn thi thố tài năng. (38)

38. CARAN (Paris), Indochine AF, Marine, BB4-788. Xem tóm lược tiểu sử Trần Bá Lộc, Đỗ Hữu Phương v.v... trong Osborne, 1969:53-4, 66-68 ff; Chính Đạo, *VNNB, tập III: Nhân Vật Chí*, tái bản có bổ sung (Houston: Văn Hoá, 1997).

Nhiều tài liệu viết về Pigneau.

Nhưng các sĩ quan Pháp—những người mang nặng truyền thống danh dự, trách nhiệm, và lòng ái quốc—chẳng trọng vọng gì nhóm cộng sự viên đặc lực bản xứ. Một Đề đốc tuyên bố một cách rề rúng rằng phần lớn cộng sự viên buổi đầu là bọn “kẻ giảng” đã bị trục xuất

khỏi tu viện vì lý do hạnh kiểm, và “những cái tên Latin của chúng trình ra một bản tóm lược về sự lường bịp, man trá và tham nhũng đặc thù Á Đông.” (39)

39. Pallu de la Barrière, 1888:158. Xem thêm Tô Minh Trung [Trần Văn Giàu], “Trương Vĩnh Ký: tên tay sai đặc lực đầu tiên của chủ nghĩa thực dân Pháp trong lịch sử ta;” *Nghiên cứu lịch sử [NCLS]* (Hà-nội), LIX:2 (1964), tr 43-46.

Một viên chức khác nhận định những cộng sự viên đầu tiên phần lớn là bọn tệ đoan xã hội. (40)

40. Fernand Bernard, *L'Indochine, erreurs et dangers. Un programme* (Paris: 1901), tr 33-34; Nguyễn Văn Phong, *La société vietnamienne de 1882 à 1902 d'après les écrits des auteurs français* (Paris: Presses universitaires de France, 1971), pp 43-44.

Cũng trong nỗ lực bình định, Charner cho lệnh giảm thuế tại Gia Định và Định Tường một năm để thu phục nhân tâm. Charner còn giải tán các đồn điền, hiệu lực từ ngày 1/6/1861. nguồn cung cấp binh vật lực cho nhà Nguyễn. “Đồn điền” là một đơn vị kinh tế-chính trị do Nguyễn Tri Phương áp dụng tại Nam Kỳ từ tháng 2/1853. Lấy 50 người làm một đội, 500 người làm một cơ. Ai mộ được một đội, phong chức chánh đội trưởng xuất đội (chánh thất phẩm). Ai mộ được một cơ phong làm cai đội (chánh lục phẩm). Một đội sẽ thành một ấp; một cơ thành một tổng. (41)

41. Thư ngày 13/6/1861; Charner gửi Bộ trưởng HQ & TĐ, trong GG2-81 [Papiers Clément de la Roncière le Noury], d. 2.

Không rõ quyết định này có liên hệ gì đến việc từ tháng 3-4/1861 [tháng 2 Tân Dậu, 11/3-9/4/1861], Hoàng Nhiệm chỉ thị cho sử dụng nghĩa quân. Định Tường là quê Từ Dụ thái hậu, nên các quan tướng Việt liên tục mộ quân khởi nghĩa. Để đối phó, các giáo sĩ cũng tổ chức những đạo quân Ki-tô bản xứ để tự vệ. (42)

42. *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:188-189. Thư ngày 8/10/1861, Charner gửi Giám mục Sài Gòn; *CARAN* (Paris), Fonds Marine, BB4-793, tr. 464.

#### D. RẠN NÚT GIỮA PHÁP VÀ ESPANIA:

Thời gian này, nhiệt tâm truyền rộng đạo Trời của các viên chức Pháp và Espania không đủ xóa bỏ hiềm khích về quyền lợi thế tục tại “món quà của Thượng đế” mới ban phát.

Như đã đề cập ở phần trên, nguyên cơ khởi thủy của việc Espania tham chiến là sự an toàn của các giáo sĩ tại Bắc Kỳ—đặc biệt là sau cái chết của Giám mục Diaz, người thân thiết với Hoàng hậu Espania. Vì vậy, từ năm 1859, đại diện Espania đã hy vọng được chia cắt một hải cảng ở miền Bắc như Đồ Sơn. Ngày 10/3/1860, Palanca nhận được chỉ thị lập một căn cứ ở Bắc kỳ. (43)

43. Thư ngày 17/9/1865, Chasseloup Laubat gửi La Grandière; *CAOM* (Aix), carton 10, A 30 (1); Cao Huy Thuần, 1990:107. Thọ, 1995:48.

Tuy nhiên, sau cuộc triệt thoái Đà Nẵng, Rigault de Genouilly đã gửi trả Phi-lip-pin [Philippines]—thuộc địa của Espania đến năm 1898—một số lớn quân Espania, chỉ giữ lại Sài Gòn trên 200 lính Tagals và vài tàu chiến. Lực lượng này bị bào mỏng dần vì bệnh thời khí cùng các trận giao tranh với quân Nguyễn tại Gia Định mà lực lượng ngày một gia tăng trong năm 1860. Ngày 1/5/1860, Trung tá Don Carlos Palanca y Gutteriez trở lại Sài Gòn, nhưng Manila không gửi thêm viện binh. Khi Charner được lệnh tập trung quân ở Thượng Hải chuẩn bị giải tỏa Sài Gòn, Manila vẫn từ chối tăng viện cho Palanca. Bởi vậy, lực lượng Espania tham gia trận Kỳ Hòa khá khiêm nhường.

Dẫu vậy, ngày 8/2/1861, Palanca yêu cầu Charner xác định những quyền lợi Espania, và ngỏ ý muốn được chia vùng Đường Ngoài [Tonkin] để bảo vệ các giáo sĩ Espania. (44) Hôm sau, Charner trả lời là sẽ hỏi ý Paris nhưng, theo chỗ Charner biết, không có vấn đề chia chác ảnh hưởng ở Sài Gòn.

44. Thọ 1995:51. Lưu ý là một số tác giả đã lầm lẫn giữa Đường Ngoài và Bắc Kỳ khi chuyển ngữ từ tiếng “Tonkin” của Pháp. Hội truyền giáo Pháp vẫn dùng tiếng Tonkin với nghĩa Đường Ngoài (phía Bắc sông Gianh), trong khi các viên chức thuộc địa Pháp qui định Tonkin (Bắc Kỳ) từ Ninh Bình trở ra Bắc.

Được sự đồng ý của Charner hay không, mùa Xuân 1861, một tàu Espania ghé Biên Hòa, yêu cầu chuyển lên Hường Nhiệm đề nghị cho Espania khai thác Đò

Son, cùng lập trạm kiểm soát ở Nghiêu Phong và Quảng Yên trong vòng 10 năm. Nếu không chấp thuận, sẽ sinh sự. Hường Nhiệm cho là vô lý, sai trả lại thư. Tàu Espania ra cửa Cần Giờ, bỏ đi. Đình thần bàn rằng họ đang gây sự ở Cát Bà chắc vì mục đích ấy. Hường Nhiệm cho lệnh phòng bị. (45)

45. *DNTLCB*, IV, 30:1863-1865, 1974: 220; H Le Marchant de Trigon, “Le traité de 1862 entre la France, l’Espagne et l’Annam. Documents réunis,” *BAVH*, V:4, (10-12/1918), p 218 [217-252]. Trước đây, Tôn Thất Hiệp không đồng ý ba [3] điều khoản: đặt lãnh sự tại các hải cảng (điều 3); tự do truyền đạo (điều 7); và, ký hiệp ước với Espania (điều 11). *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 100;

Tại Pháp, chính sách với Espania cũng bắt đầu thay đổi sau khi Antoine Edouard Thouvenel thay Bá tước Walewski làm Ngoại trưởng từ ngày 4/1/1860. Thouvenel không thích Espania, và không muốn chia xẻ quyền lợi với Madrid. Ngày 31/7/1861, Madrid ủy cho Đại sứ A. Mon thảo luận về quyền lợi của Espania tại Đại Nam. Gần hai tháng sau, ngày 22/9, Thouvenel trả lời là Pháp không thể xan xẻ đất đai Nam Kỳ, chỉ sẵn sàng bồi thường tiền, và hứa bảo vệ các giáo sĩ Espania, cũng như cho Espania tự do buôn bán. (46)

46. AMAE (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol 28, tr 151-154; Cao Huy Thuần, 1990:46; Thọ 1995:52.

Tại Sài Gòn, ngày 13/8/1861 Charner lại đề nghị Palanca chiếm Biên Hòa làm lãnh địa Espania. Dù rất

hài lòng, Palanca nói phải xin lệnh chính phủ vì Madrid muốn lập một căn cứ ở miền Bắc. Tuy nhiên, Chasseloup Laubat đã quyết định biến Đại Nam thành một lãnh thổ hải ngoại của đế quốc Pháp. Tháng 10/1861, Paris chỉ thị Charner cho Palanca biết không thể chia chác Nam Kỳ. Mùa Xuân 1862, Pháp cũng dứt khoát chống lại việc nhường cho Espania một lãnh địa ở Bắc Kỳ; và chỉ cho Madrid hưởng tiền bồi thường chiến phí. (47)

47. Thọ 1995:51-57.

Cho tới mùa Thu 1862, hai bên vẫn chưa đạt được thỏa thuận. Ngày 4/11/1862, sứ thần Espania thông báo Madrid đã chi tới 9.5 triệu francs, và yêu cầu Thouvenel cho biết Espania có được được chia đều nhau lợi nhuận sau khi chiếm xong ba [3] tỉnh Nam Kỳ như Walewski đã hứa từ tháng 11/1858 hay chăng? (48)

48. AMAE (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol 28, pp 151-154; Cao Huy Thuận, 1990:46.

#### E. NỖI BÓI RỐI CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ:

Phản ứng đầu tiên của triều Nguyễn khi được tin thất thủ đồn Kỳ Hòa, và rồi đến thành Định Tường—quê Từ Dụ thái hậu Phạm Thị Hằng—là nỗi bối rối, nếu không phải tê liệt. Kỳ Hòa qui tụ nỗ lực chiến lược cuối cùng của quan binh Nguyễn tại miền Nam sau hơn hai năm chống xâm lăng. Nói theo Hường Nhiệm, trong bản án các quan tướng thua trận ở miền nam, các quan tướng của vua, lúc đầu hòng ở Tôn Thất Cáp, giữa hòng ở Nguyễn Tri Phương, Phạm Thế Hiển “không biết lo

xa, dự liệu.” Nguyễn Bá Nghi cũng chỉ chủ hòa, không được việc gì. (49)

49. *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:226

Nhưng không thể không có hành động. Việc xâm lăng của Pháp và Espania là một thực tế sắt máu—dù mang khoác bất cứ màu sắc nào, tôn giáo hay thuần túy luật kẻ mạnh.

Đình thần chia làm hai phe rõ rệt: đánh giữ và chủ hòa. Phe đánh giữ, do Trương Đăng Quế cầm đầu, không tin rằng Pháp muốn hòa bình, mà đang âm mưu chiếm giữ Gia Định và có thể cả sáu tỉnh miền Nam. Bởi thế, chẳng có cách nào khác hơn ra sức cầm cự kéo dài thời gian, chờ biến chuyển. Dù đã lớn tuổi, xin về hưu từ năm 1860, Quế là “tri kỷ” của Hoàng Nhiễm, được liệt vào hàng Tam Công, trông coi Bộ Binh, nhưng chỉ quyết định những việc quan trọng. Vua biệt đãi đến mức cho Quế đi vòng vào châu. (50)

50. *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 147-149 [Trương Đăng Quế], 154-156 [kế hoạch đánh Miên]. Theo một tư liệu dã sử, Trương Đăng Quế là cha vợ Tụ Đức. Các giáo sĩ Ki-tô truyền bá tin Hoàng tử Hoàng Bảo thù hận Quế vì Quế là người chủ mưu trong việc cướp ngôi của Hoàng Nhiễm.

Phe chủ hòa gồm nhóm Phan Thanh Giản, Thượng thư Bộ Lễ, Lâm Duy Thiệp (hay Hiệp), bộ Binh, và Nguyễn Bá Nghi, bộ Hộ. Ngoài ra, còn những nhân vật đang lên như Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản, v.. v... Họ cho rằng đánh giữ chỉ vô vọng, vì thực lực quân sự Pháp quá mạnh. Cách duy nhất là hòa

với Pháp; ví thữ Pháp không chịu trả lại đất đã chiếm đóng, thì cũng chỉ mất những gì đã mất, mà dân chúng và quan binh không phải khổ sở về binh đao. (51)

51. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 149-154, 210-213 ; *TTLTTU* 2, CBTĐ, 25/2 TĐ XII, CB 254:101 (17/3/1860 [25/2 Canh Thân]), Phan Thanh Giản và Nguyễn Bá Nghi nghiêng về hòa bình. Làm tờ tấu dựa theo các tờ sớ của Tôn Thất Cáp].

Trong khi đó, hàng đại tướng, thống chế của triều đình như Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp không có lập trường rõ ràng. Dù nhận hiểu tình trạng yếu kém của binh lực Nguyễn, họ không ủng hộ lập trường cầu hòa, hy vọng tiếp tục cầm cự cho đến ngày Pháp chán nản bỏ đi. Bởi vậy, trong hai ba năm đầu từ ngày Pháp xâm lăng, Hường Nhiệm nghiêng về phía đánh giữ.

Sự thất thủ đại đồn trong 2 ngày ngắn ngủi tạo ưu thế cho phe chủ hòa. Hường Nhiệm cử Nguyễn Bá Nghi làm Khâm sai đại thần, vào Biên Hòa lo đối ứng với Pháp, với nhiệm vụ bảo vệ những vùng chưa bị Pháp chiếm đóng.

Nghi gốc Mộ Đức, Quảng Ngãi. Cha mẹ từng theo Tây Sơn. Đỗ Phó bảng năm 1832. Lên đến Án sát Vĩnh Long thì bị cách chức vì xử án cầu thả. (IV:60) Đời Miên Tông, làm tham biện nội các, rồi thị lang bộ lại. Phạm lỗi, bị đày đi Quảng Đông trên tàu *Thanh Loan*. Thuyền bị nổ cháy, về nước bằng đường bộ bị trấn lột. Trở lại làm tham biện nội các. Năm 1844, làm bố chính An Giang. Từng qua Oudong thương thuyết. Năm 1847, Bố chính Quảng Nam, được đặc cách hàm nhị phẩm.

Năm sau 1848, làm tuần phủ Hưng Hóa, rồi vào Hà Tiên. Sau làm tổng đốc Bình-Phú, rồi về bộ Lễ. Năm 1853 làm tổng đốc Sơn-Hung-Tuyên. Ghép Cao Bá Quát (?1819-1855) vào tội đại nghịch, làm phản, trong vụ án Giặc Cào Cào hay Châu Chấu. Năm 1859, thượng thư bộ Hộ, sung Cơ mật viện đại thần. (52)

52. Xem sơ lược tiểu sử Nguyễn Bá Nghi trong *DNCBLT*, q. 27, (1993), IV:60-69.

Vì cầu hòa, Khâm sai Nghi quyết định không tu bổ, xây đắp thành lũy. Mặt khác, tự động tiếp xúc Charner để dò xét tình ý. Từng chứng kiến trận pháo kích 1847 ở Đà Nẵng, Nghi đưa ra chiêu bài thương thuyết để “hoãn binh” (có lẽ hầu tránh phật lòng phe đánh giặc). (53)

53. *DNCBLT*, q. 27, 1993, IV :63-64.

Nhưng cũng có thể Nguyễn Bá Nghi phần nào chịu ảnh hưởng của Nguyễn Trường Tộ, một thông ngôn của Pháp, Theo Paul Tộ, Tộ từng bí mật giao thiệp với Nghi từ năm 1861 về nhu cầu hòa với Pháp. (54)

54. Nam Phong [NP] (Hà Nội), số 107, tr. 54-59; HV 189/1, tờ 53-64; HV 135, tờ 129-145; và HV 634/1, tờ 85-103, viết năm 1863 hoặc 1864). Lê Thước, Đào Duy Anh cho là ngày 13/5/1863 [26/3 TĐ XVI]; Cần, 2002:139-142)

Không thích tài lợi, vợ con [vì muốn đi tu?].

Tuy nhiên, muốn hòa cũng chẳng dễ. Mắt nhìn Pháp với Đại Nam đã thay đổi sau hòa ước Thiên Tân với nhà Thanh năm 1860. Bởi vậy, sau những cuộc tiếp xúc sơ khởi, Charner cho lệnh đánh chiếm Mỹ Tho, rồi mở

rộng vòng đai phòng thủ quanh các vị trí đóng quân. Để tạo áp lực bắt Huế ký hòa ước, Charner còn cho lệnh phong tỏa kinh tế, rồi ban hành thiết quân luật và giải tán các đồn điền, trung tâm kháng chiến ở thời điểm này.

### **1. Đối thoại giữa những người điếc:**

Charner đưa ra 14 điều kiện, trong đó quan trọng nhất có:

1. Đạo Thiên chúa được truyền bá tự do (công hành).
  2. Nhượng đứt thành Gia Định cho Pháp.
  3. Nhượng Định Tường và những vùng lân cận.
  4. Nhượng Thủ Dầu Một trong tỉnh Biên Hoà.
  5. Pháp được tự do lưu thông trên các kinh rạch miền Tây.
  6. Pháp được tự do lưu thông trên lãnh thổ Đại Nam.
  7. Đại Nam phải giao người Âu bị bắt cho các toà trú sứ Pháp gần nhất.
  8. Pháp được lập tòa lãnh sự ở các cửa biển.
  9. Phóng thích tù binh.
  10. Bồi thường cho Pháp 4 triệu Mỹ kim.
  11. Espania được các điều kiện tương tự. (55)
55. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 226, 298-301.

Ba vấn đề nổi cộm lên là đòi hỏi tự do truyền giáo, cắt đất, và bồi thường chiến phí.

### **A. Tự do truyền giáo:**

Từ năm 1859, vấn đề tự do truyền giáo là một trong những vấn đề nan giải nhất. Nhưng Huế và Paris ngày một gần nhau hơn, qua những nhân nhượng hợp lý. Tháng 3/1860, các nhân vật quyền thế nhất trong triều như Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản và Lê Chí Tín đã đồng ý bỏ cấm đạo. (Tuy nhiên, Quế vẫn trù liệu những biện pháp hành chính để ràng buộc không cho thực sự tự do truyền giáo—như kiểm soát các giáo sĩ ngoại quốc, giới hạn nhân số, v... v...)

Dẫu vậy, phe chống đối còn mạnh, gồm những nhân vật như Phạm Hữu Nghị, Phạm Xuân Quế, Nguyễn Đăng Điều, Nguyễn Hữu Trường, Tạ Hữu Khuê, Trần Gia, v.. v... Một số hoàng thân cũng nghiêng về lập trường này. Lập luận quen thuộc của họ là Ki-tô giáo làm ung hoại phong hóa và đưa đến việc ngoại xâm. (57)

57. LTTƯ' II, CBTD 18/2 TĐ XIII, CB 252:161-163 [10/3/1860 [18/2 Canh Thân], Quế, Giản và Tín yêu cầu hủy bỏ lệnh cấm đạo Ki-tô để có thể đạt hòa ước với Pháp]; 21/2 TĐ XIII, CBTD 257:67-69) 17/3/1860 [25/2 Canh Thân [13/3/1860: Phạm Hữu Nghị, Phạm Xuân Quế và Nguyễn Đăng Điều chống lại việc bỏ cấm đạo]; 25/2 TĐ XIII, CB 254:99-100 [Nguyen Huu Truong, Ta Huu Khue, Tran Gia petitionned against the abolition of the ban of Catholicism. Propagation of Catholicism would be the first step to conquer].

Do ảnh hưởng Trương Đăng Quế, Hoàng Nhiệm thuận bỏ cấm đạo, ai đã theo đạo được tiếp tục, không ngăn trở; đồng thời, cũng không ngăn trở bất cứ người

nào muốn bỏ đạo hay không theo đạo. Ngày 1/7/1861 và rồi 28/7/1861, Nguyễn Bá Nghi lập đi lập lại với Charner nguyên tắc “không thể cấm người Việt **không theo** đạo Ki-tô” và “ai muốn theo đạo cứ theo, ai không muốn theo đạo, cũng được tự do không theo.” (58)

58. *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:302; thư ngày 24/5 TĐ XIV [1/7/1861] & 8/6 TĐ XIV [28/7/1861]; Phụ bản trong BB4 788; Thuần, 1990:75-76.

Pháp cũng sẵn sàng nhượng bộ. Ngày 26/2/1861, trong chỉ thị cho Charner, Chasseloup Laubat chấp nhận trên nguyên tắc tự do truyền giáo không có nghĩa phủ nhận quyền tự do không theo đạo Ki-tô. (59)

59. Chỉ thị ngày 26/2/1861, Chasseloup Laubat gửi Charner; CAOM (Aix), carton 10, A 30 (1).

Ngày 2/4/1861 và rồi 22/4/1861, Charner đồng ý nếu giáo sĩ nào phạm tội, phải giải giao tới cảng gần nhất cho Pháp xét xử như Nghị đề nghị ngày 30/3/1861. (60)

60. Thư ngày 30/3/1861 [2/2 Tự Đức XIV]; Phụ bản trong BB4 788); thư ngày 2/4/1861 và 22/4/1861, Charner gửi đại diện của Nguyễn Bá Nghi; CARAN (Paris), BB4 788, tờ 470; Cao Huy Thuần 1990:73-76. Và, báo cáo ngày 29/4/1861, Charner gửi Paris; Ibid. [Người Tây dương tự do đi lại. Vấn đề mở cửa biển cho tự do buôn bán và lập lãnh sự. Bồi thường tiền nhân mạng cho vài ba người Âu bị chết. Đồng ý. Pháp không được can thiệp vào Căm Bốt].

## **2. Vấn đề cắt đất:**

Gay gắt nhất là vấn đề cắt đất. Hoàng Nhiệm và phe đánh giữ đặc biệt chống lại việc này.

Nhưng bài học “Quảng Đông” của nhà Thanh khiến phe chủ hòa nuôi ý nghĩ hai nước cùng cai trị Sài Gòn, chia nhau thuế thương chính để trừ vào tiền bồi thường chiến phí. Huế sẵn sàng cắt đất Gia Định, Định Tường và cho Pháp đóng quân ở Thủ Dầu Một (Biên Hòa); đặt sứ ở kinh đô hai nước; cắt cho Espania khu Đồ Sơn tỉnh Hải Dương, và huyện Nghiêu Phong (Quảng Yên) làm trạm thu thuế trong 10 năm. Tuy nhiên để khởi đầu, chỉ đề nghị Pháp đóng quân ở Gia Định, Định Tường và Thủ Dầu Một. Ngoài ra, nếu cần, cho lập thêm phố buôn bán ở Biên Hòa và Định Tường. (58)

58. Tờ trình của Nguyễn Bá Nghi.

Nhưng Charner và nhất là Chasseloup Laubat có những kế hoạch riêng, khác biệt với kinh nghiệm liên quân đối xử với Trung Quốc miền Bắc.

Sự thay đổi mắt nhìn về Sài Gòn của các quan chức Pháp khởi đầu từ mùa Hè 1860. Trước đó ít lâu, trong mật lệnh ngày 28/2/1860 gửi Charner, Hamelin vẫn đặt việc ký hòa ước với Huế lên ưu tiên hàng đầu, và trong bất cứ trường hợp nào cũng không được bỏ Sài Gòn nếu Hoàng Nhiệm chưa chịu ký hòa ước. Nhưng 5 tháng sau, Hamelin bắt đầu nói đến Sài Gòn như một lãnh thổ hải ngoại của Pháp. Quyết định “giữ Sài Gòn bằng mọi giá” còn được lập lại trong các chỉ thị ngày 25/10/1860 và 9/11/1860. (61)

61. Thư ngày 24/7/1860, 25/10/1860 và 9/11/1860, Hamelin gửi Charner; CARAN (Paris), Fonds Marine, BB4 787; Thuần, 1990:70.

Chasseloup Laubat còn đi xa hơn Hamelin. Chẳng những muốn ký hòa ước để bảo đảm sự chiếm đóng Sài Gòn, mà còn mở rộng thêm phạm vi kiểm soát. Ngày 25/8/1861, Chasseloup Laubat cho Bonard biết Napoléon III muốn **thành lập một thuộc địa ở Cochinchine**. Vì, trong khi tất cả các quốc gia đều có “tài sản” [thuộc địa] ở Viễn Đông, “nước Pháp không thể chối từ một xứ mà quân lực đã chiếm đóng và công luận coi như một phần thưởng của Ông Trên dành riêng cho quốc gia chúng ta hầu bù đắp lại những hy sinh bất vụ lợi mà quê hương ta đã phục vụ cho văn minh tại phần này của trái đất.” (62)

62. CAOM (Aix), Indo AF, carton 10, A 30 (1); Thuần, 1990:78.

Charner cùng một tâm ý. Từ tháng 12/1860, như đã lược nhắc, Charner đã muốn chiếm cả 6 tỉnh miền Nam. Trong văn thư trao đổi giữa Sài Gòn và Paris, Nam Kỳ bắt đầu được mô tả như “món quà của Ông Trên,” và được dự kiến như một bộ phận vinh quang của đế quốc Pháp—dù từ Napoléon III tới Chasseloup Laubat vẫn chưa có viễn tượng rõ ràng nào về sản phẩm thuộc địa của mình. Trong chỉ thị ngày 2/11/1862 cho Giám đốc Nha Thuộc Địa, Chasseloup Laubat nhấn mạnh: “Chúng ta sẽ thiết lập ở Cochinchine một đế quốc mà không phải một thuộc địa bình thường. Và đế quốc này sẽ tự cai trị.” (63)

63. Công điện ngày 22/12/1860, Charner gửi Laubat; CARAN (Paris), Fonds Marine, BB4-788. Chỉ thị ngày 2/11/1862, CARAN (Aix), carton 48, D OO (3); Thuần, 1990:106.

Hơn một năm sau, ngày 18/4/1864, Chasseloup viết cho tân Thống đốc Pierre de La Grandière:

Chính tại đây sẽ có một ngày rọi sáng bằng nền văn minh Ki-tô và Pháp của chúng ta. Xứ này được Ôn Trên chuẩn bị sẵn cho nước Pháp. Tại đây dân chúng không chống lại đạo Ki-tô, hay phong tục Pháp, và đây là một trong những vùng đất giàu có nhất trên trái đất..... Chúng ta sẽ viết nên một trang đẹp đẽ nhất ở Cochinchine. (64)

64. Thư ngày 18/4/1864, Chasseloup Laubat gửi La Grandière, CAOM (Aix), Indochine, carton 10, A 30 (1). Xem thêm thư ngày 10/7/1864, 10/11/1864, 18/11/1864, Chasseloup Laubat gửi Lagrandière; Ibid.

Trong chỉ thị cho La Grandière ngày 17/9/1865, Chasseloup giải thích thêm là ảnh hưởng Ki-tô giáo là nền tảng cho sứ mệnh khai hóa, không muốn thấy xuất hiện ở đây những bọn Hồi giáo chống lại Ki-tô [như trường hợp India và Bắc Phi] và, Sài Gòn sẽ được rọi sáng bởi tinh thần khai phóng [libéral] của nước Pháp. (65)

65. Thư ngày 17/9/1865, Chasseloup Laubat gửi Lagrandière, CAOM (Aix), Indochine, carton 10 A 30 (1).

### c. Bồi thường chiến phí:

Tiền “bồi thường chiến phí”—một đòi hỏi ngang ngược của các cường quốc thực dân—là kinh nghiệm hoàn toàn mới lạ với Hường Nhiệm. Từ năm 1857, Ủy Ban Cochinchine đã dự trù ngân sách cho cuộc viễn chinh từ 4 tới 6 triệu quan vàng, tức khoảng 10-15% kho tàng nhà Nguyễn (40 triệu quan vàng). Tuy nhiên, cuộc biểu dương lực lượng của Pháp không dễ dàng và ngắn ngủi như Pellerin cùng các giáo sĩ hoang tưởng. Nó đã kéo dài hơn 2 năm, và chi phí ngày một gia tăng. Ngân sách Pháp thì đang thâm thủng lớn. Bởi thế, Paris đòi Huế trả 4 triệu Mỹ kim [khoảng 20 triệu francs] bồi thường chiến phí, trả trực tiếp từ ngân khố vương quốc. Càng kéo dài ngày ký hòa ước, tiền bồi thường càng tăng. Espania cũng được một khoản bồi thường chiến phí tương đương.

Hường Nhiệm và đình thần thì chỉ muốn trả tối đa 1 hay 2 triệu Mỹ kim, chia làm nhiều kỳ. Hoặc, thu thuế ở các cửa quan sẽ mở, trả dần vào tiền bồi thường. Riêng với Espania, như đã lược nhắc, Huế chấp thuận đề nghị nhượng Đồ Sơn cùng 2 hải cảng Quảng Yên và Nghiêu Phong trong vòng 10 năm. Sau khi được cử vào Nam Khâm sai Nguyễn Bá Nghi xin Hường Nhiệm chấp nhận đòi hỏi của Charner. Nhưng Trương Đăng Quế cực lực chống đối. (66 [41])

66 [41]. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 208, 210-213; *QTCBTY*, 1971:316-317.

(64)

64.

[Điều Hường Nhiệm và các cận thân—đặc biệt là nhóm Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiệp, Nguyễn Bá Nghi—không dự đoán được là Huế không đủ khả năng trả tiền bồi thường chiến phí, nói chi tiền chuộc lại đất đai. Thiên tai, đói kém, thổ phỉ và hải tặc Trung Hoa cũng như người bản xứ mà phần đông là giáo dân Ki-tô sẽ khiến kho tàng ngày một hao hụt, khiến Huế khá chật vật trong việc nạp tiền bồi thường chiến phí định kỳ].

Tháng 8/1861, việc thương thuyết hầu như hoàn toàn bế tắc. Khi tân trình diễn tiến cuộc hòa đàm, Nguyễn Bá Nghi và Trần Đình Túc kết luận: Tình thế Biên Hòa yếu ớt, đơn độc, không thể đánh giữ được, cuộc giảng hòa lại không thành, xin giảm bớt quân thứ, xin người đi cầu viện nước ngoài. (67 [42])

67 [42]. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 232-236. [like a kid] *LTTƯ* II, *CBTD*, 26/9 TĐ XIV [Tân Dậu], 8-9, *CB* 261:225-231. [Một văn bản ngày 29/10/1861 [26/9 Tân Dậu] ghi tóm lược một cách trung thực hoàn cảnh của triều đình: “đánh thì không thắng, giữ thì không được, triều đình không mưu kế, mà quân Pháp thì ngày càng lấn lướt.”]

Hường Nhiệm vẫn cho lệnh phòng giữ 4 tỉnh còn lại, hầu lo thu phục lại Gia Định, Định Tường—một ảo vọng. Nguyễn Bá Nghi phải than lên: “Thê thì đánh không được, giữ không được, hòa cũng không được, tôi không biết xử trí ra sao lúc này.” (68 [43])

68 [43]. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 210-213.

Hùng Nghiệp chỉ châu phê: “Trẫm đã biết rồi. Có sức mà làm.” (69 [44])

69 [44]. *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 210-213.

Tóm lại, với Pháp, khía cạnh kinh tế và thương mại bắt đầu đẩy lùi vấn đề tôn giáo xuống hạng nhì. Nhưng triều Huế chưa muốn tự nguyện cắt đất. Về Gia Định, Định Tường, xin theo lệ Quảng Đông: chuộc lại với giá 2 triệu Mỹ kim; nhưng sẽ trả góp. Nếu cần, cho đặt lãnh sự Pháp ở Đà Nẵng, và cho Pháp đóng quân ở Gia Định, Định Tường và Thủ Dầu Một. Cũng đồng ý điều kiện cho Espania ở Đồ Sơn 10 năm. Riêng vấn đề Cấm Bốt, Pháp không được can thiệp vào. Nếu Pháp nhấn mạnh, có thể nhân nhượng, nhưng Đại Nam giành quyền trả đũa nếu Cấm Bốt gây hấn. (70)

70. Thuần, 1990:72.

Thời gian này, tưởng nên ghi nhận, Charner rất thân thiết với Giám mục Lefèbvre. Ngày 3/4/1861, khi được thư Lefèbvre báo tin Phó vương [Vice Roi] Việt (Nguyễn Hữu [Đức?] Hoan) đã xử tử 4 giáo dân tại Biên Hòa, và sẽ chặt đầu 17 người khác vào hôm sau, Charner nhận xét rằng "Ce Vice Roi est un fourbe infâme," và cho lệnh Page bắt giữ. (71)

71. SHM (Vincennes), GG2 44, carton 4/4).

Để tạo áp lực với Huế, ngày 23/4/1861, Charner hạ lệnh cấm chuyên chở lúa gạo ra miền Bắc—một sách lược khiến Huế không những chỉ mất đi khoảng 1 triệu hộc thóc mỗi năm, mà còn tạo nên tình trạng thiếu hụt

lúa gạo ở miền Trung, gây nên những khó khăn kinh tế và xã hội cho cả hai kỳ còn lại của Đại Nam.

**Tháng 5-6/1861 [Tháng 4 Tân Dậu, 10/5-7/6/1861]**

Mặc dù ngày 13/5/1861, Charner đã báo cáo Huế chấp nhận cho tự do giảng đạo, ngày 1/6, Charner mạnh tay hơn nữa, thiết quân luật và giải tán các đồn điền. Dù đưa ra những điều kiện đề nghị hòa, Charner tin rằng khó thể đạt giải pháp hòa bình. Charner thực tâm muốn chiếm cả sáu tỉnh miền nam—tiên đến sát biên giới Kambojas, nhưng tự hiểu chưa đủ lực lượng để phòng giữ. Nếu đánh chiếm sáu tỉnh, rồi lại triệt thoái sẽ khiến mất thể diện. Bởi vậy, Charner xin Chasseloup Laubat đồng ý cho mở rộng vùng kiểm soát ra khỏi phạm vi Sài Gòn hay Gia Định thành, lập tuyến phòng thủ Tây Nam ở Định Tường (Mỹ Tho), và phía bắc ở Thủ Dầu Một (tỉnh Biên Hòa). Vùng lãnh thổ này tương đối nhỏ so với dự kiến đánh chiếm cả 6 tỉnh miền Nam, nhưng với lực lượng 3,000-4,000 quân, Charner thấy chỉ có thể bảo vệ được Sài Gòn, Mỹ Tho và Thủ Dầu Một (phủ [huyện] Phước Long).

Với lực lượng cơ hữu, Charner thừa khả năng mở rộng vùng kiểm soát, nhưng không đủ khả năng bảo vệ, nếu rút quân sẽ mất tiếng với người bản xứ. (72)

72. BB4 788, tờ 478; Thư ngày 29/3/1861 và 27/5/1861, Charner gửi Paris; BB4 788, fol. 458, 503; Thư ngày 2/4/1861, Charner gửi Page; SHM (Vincennes), GG2 44, carton 4/4 ; .Thuần 1990:76.

## **2. Phong Trào Nghĩa Quân Miền Nam:**

Quyết định giải tán các đồn điền ngày 1/6 của Charner đặt quan dân Việt vào vị thế trực diện với Pháp.

Một trong những lãnh tụ nghĩa quân tiên phong là Tri huyện Đỗ Đình Toại. Ngày 22/6/1861, Tri huyện Toại mang 600 nghĩa quân tấn công Gò Công. Đồn trưởng Pháp là Trung úy Paulin Vial bị thương, hư một mắt. Tuy nhiên, Tri huyện Toại cũng bị tử thương. Vào khoảng cuối năm 1861, đầu năm 1862, thế lực các lực lượng chống Pháp ngày một mạnh, như Trương Định (1821-1864), Nguyễn Hữu Huân (Thủ khoa Huân), Nguyễn Thông, Nguyễn Trung Trực (-1868), Võ Di Nguy, Phủ Cao [Câu?], v.. v... (73)

73. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 239, 243, 283-284, 285, 321-322, 345; *QTCBTY*, 1971:317ff; *ĐNCBLT*, q. 38, (1993), IV:340 [Trương Định]; q. 41, (1993), IV :322-423 [Nguyễn Hữu Huân]; q. 37, (1993), IV :300-301 [Nguyễn Thông], Thư ngày 25/1/1862, Rieunier gửi cha; GG2 198, c.1. Xem thêm Trương Bửu Lâm, *Patterns of Vietnamese Response to Foreign Intervention, 1858-1900* (New Haven: Yale Univ Press, 1967), tr. 73-74; David G Marr, 1971:30-31, 31-33.

Nguyễn Trung Trực (Nguyễn Văn Lịch), xuất thân nghề chài lưới, hoạt động từ Long An tới Hòn Chông, Rạch Giá. Ngày 10/12/1861, nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực đốt cháy chiến thuyền *Espérance* bỏ neo tại làng Nhật Tảo, giết chết 17 lính Pháp, cùng 20 lính tập. Sau đó, rút về vùng Cà Mau. (75)

75. Tài liệu Nguyễn, ghi vụ tấn công tàu *Espérance* vào tháng 1-2/1862; *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:284.

Phản Phủ Câu [Cao] bị Pháp bắt giữ trong trận chiến ngày 5/1/1862 tại Mỹ Tho. (76)

76. Thư ngày 25/1/1862, Rieunier gửi cha; GG2-198, carton 1; *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 284.

Tri phủ Phước Tuy (thời Pháp thuộc là tỉnh Bà Rịa), Nguyễn Thành Ý, tùy phái Phan Trung, Nguyễn Văn Nhã, bắt phẩm thiên hộ Võ Duy Dương mộ được 4 cơ, khoảng 4,000 người. Hường Nhiệm cũng ban chiếu chỉ khen ngợi bọn tuần phủ Định Tường Đỗ Thúc Tĩnh, Túc Trung, Đức Khuê, Trương Minh Lượng, Nguyễn Văn Nhã, bắt phẩm thiên hộ Võ Duy Dương về việc tuyển mộ hương đồng. (77)

77. *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:246-248.

Kiệt hiệt nhất là Phó Lãnh binh Định, hoạt động trong vùng Gia Định, Biên Hoà và Định Tường. Trương Định gốc Bình Sơn, Quảng Ngãi, con Vệ úy Trương Cầm, thuộc Hữu thủy vệ ở Gia Định. Cư ngụ ở Gia Định. Vợ là Lê Thị Thương. Giữ chức quản cơ, đóng đồn ở Kỳ Hoà. Đồn Kỳ Hoà bị vỡ, rút về Gò Công, chiêu mộ được 6,000 nghĩa binh Gia Định, thường cự đánh binh Pháp, được tôn gọi như “Bình Tây Sát Tả Đại tướng quân.”. Địa bàn trú quân của Trương Định là vùng đất lầy lội phía tây Sài Gòn và tây bắc Định Tường, trải dài tới gần biên giới Miên. Theo truyền thuyết, tháp

canh mười tầng của Trương Định trong một ngôi chùa giữa vùng lãnh thổ gọi nhớ đến Đầm Dạ Trạch của tỉnh Hưng Yên này đã trở thành tên cách mạng “Đồng Tháp Mười lịch sử.” Năm 1957-1958, chế độ “cách mạng Nhân Vị” Ki-tô của anh em Ngô Đình Diệm-Ngô Đình Nhu-Ngô Đình Thục đã khai diễn cảnh đại bại của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trong những trận thua to của Sư Đoàn 21 Bộ Binh và Biệt Động Quân ở đây. Rồi đến Trận Ấp Bắc với giấc mộng con con mừng sinh nhật [nguy tạo 3/1/1901] của “Cụ,”—kết thúc bằng một thảm bại khác của Sư Đoàn 7 Bộ Binh, có tăng và thiết vận xa làm chủ lực, rồi hai đại đội Nhảy Dù tăng viện, bị thả nhằm mục tiêu—**saut đỏ** cuối cùng của những thiên thần mũ đỏ.

Không những chỉ chống Pháp, những đạo nghĩa quân này còn nêu lên mục tiêu trừng trị giáo dân, mà dưới mắt họ là những kẻ bán nước, tiếp tay giặc Pháp. (78)

78. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 203-204, 242; *LTTU* II, *CBTD*, 9 TĐ XIV [Tân Dậu], 8-9, CB 261:75-76. Xem thêm tiểu sử Phan Văn Đạt, Lê Cao Dũng trong *DNCBLT*, (q.41), IV:419 Nguyễn Thông

Mặc dù sau này Hoàng Nhiễm và các cận thần phản bội những dung sĩ yêu nước Nam Kỳ—đưa đẩy họ đến những cái chết khó nhắm mắt—phong trào kháng Pháp 1861-1864 là những tấm gương sang ngàn đời trong lịch sử. Bài học quý báu nhất có thể rút ra là vũ khí tối tân chưa hẳn luôn mang lại chiến thắng tối hậu. Nghệ thuật

sử dụng vũ khí ấy, trên địa hình, địa vật quen thuộc, vẫn có khả năng vượt thắng.

Để đối phó, các giáo sĩ cũng tổ chức những đội tự vệ, nhờ Charner trang bị khí giới. Đích thân Lefèbvre yêu cầu Charner ủng hộ cho một nhân vật Đội Thiết nào đó nổi loạn với khoảng 200 giáo dân ở Biên Hòa. Nhưng Charner từ chối, vì không thể can thiệp bằng quân sự, và nhờ Lefèbvre chuyển lệnh cho bọn Thiết phải tuân theo lệnh Charner, bằng không sẽ coi như giặc. (79)

79. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:15; Thư ngày 8/10/1861, Charner gửi Giám mục Sài Gòn; *CARAN* (Paris), Fonds Marine, BB4-793, tr 464; Thuần, 1990:77.

Phong trào đánh chống giáo sĩ và giáo dân Ki-tô lại bột phát và lan rộng khắp nước.

Tháng 8-9/1861 Hoàng Nhiệm chấp thuận cho Nguyễn Bá Nghi toàn quyền nghị hòa với Pháp. Rồi cho lệnh giữ Biên Hòa và 3 tỉnh miền Tây. (80)

80. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 227-228, 232-233.

### **3. Lệnh Bài Đạo Cuối Cùng:**

Phản ứng quen thuộc của Huế là xuống lệnh quản thúc chặt chẽ hơn các giáo dân.

Tháng 7/1861, Hoàng Nhiệm lập lại lệnh sai tháp giáo dân. Bất kể bỏ đạo hay chưa đều khắc chữ vào mặt. Nếu “Tây” đến gần thì giết hết. (81)

81. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:227.

Ngày 29/8/1861, Giám mục Charbonnier [Xay Da tô Bô-ni-e] và Linh mục Mathevon [Ma Tô Đông] bị bắt giữ ở Thanh Hóa vì tội kiêu đạo, kiêu dân. Charbonnier đã ở Đại Nam 12 năm. Bị bắt vì tén đồ Gia tô lạm dụng kiêu, võng, và nghi vệ đại quan. Hôm sau, 30/8, Charbonnier bị dẫn lên huyện. Rồi bị một nhóm chừng 60 quân lính mang súng và giáo mác dẫn lên tỉnh; vừa đeo gông cổ, vừa bị xiềng tay. (Thư ngày 4/12/1861) (82)

82. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:237.

Tháng 9/1861, tại Quảng Bình, tuần phủ Nguyễn Văn Ứng và Bộ chính sứ Tạ Hữu Khuê bị cách chức vì tội cho một thầy thuốc theo đạo Ki-tô tự do đi lại. (83)

83. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 236-237.

Mùa Thu 1861, Đinh Kỳ Diên báo cáo là từ Quảng Bình trở ra Bắc dân Ki-tô bị câu thúc, ban đêm bị gông cùm, nên đã phải tuân theo luật lệnh của triều đình chứ không phải tự nguyện. Bị sưu dịch khổ sở từ ngày Pháp xâm lăng, nên họ rất oán thù Pháp. Tại Bắc Kỳ còn thêm thiên tai, bão lụt khiến việc đồng áng khó khăn. (84)

84. Điều trần ngày 21/10/1861; *CBTD*, 19/9 TĐ XIV, 8-9, CB 261:189 [2003:110].

Tại Quảng Ngãi, các quan chức trưng thu ruộng đất của giáo dân giao cho lý dịch cai quản người lương canh tác.(85)

85. Tờ trình ngày 3/11/1861; *CBTD*, 2/10 TĐ XIV, 10, CB 262:17-23 [2003:110].

Ngày 24/11/1861, Nội các duyệt phê cách xử trí với giáo dân Ki-tô:

1. Tín đồ bị đày đi lính, đầu mục thì bị tổng giam. Nếu khuyến dụ nhiều lần không nghe, chém.

2. Tín đồ bỏ trốn đi nơi khác sẽ bị trị tội. Ai trốn quá ba lần, chém.

3. Giáo dân và đầu mục nào vượt ngục hai lần, chém. (86)

86. *CBTD*, 2/10 TĐ XIV, 10, CB 262:17-23 [2003:112]; ĐNTLCB chỉ ghi 2 điều; *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:255.

Trong đợt bài đạo cuối cùng của Hường Nhiệm này, hai linh mục Pierre Francois Neron và Jean Theophane Venard ở Đường Ngoài bị chất đầu tại Sơn tây ngày 3/11/1860, và Hà Nội ngày 2/2/1861. Giám Mục Đàng Trong Tây là Etienne Theodore Cuenot thì chết trong ngục Bình Định. Năm 1908, ba người này được phong bậc Chân Phước cùng 30 đồng đạ khác. (87)

87. *Seminaire de Missions Etrangeres*, *Lettre commune*, Nos 47, 31/7/1909.

Ngày 15/2/1862, Giám mục Miche còn báo cáo rằng khoảng 1,200 giáo dân Ki-tô đã chạy sang Căm Bốt để trốn chạy chiến dịch tàn sát và áp bức ở Nam Kỳ. (88)

88. *SME* (Paris), *Lettre Commune*, 1862, “Cambodge”, tr 24.

Trong khi đó, Bắc Kỳ giặc giã nổi lên như rươi. Các toán giặc cướp Ki-tô còn liên kết với hải tặc và thổ phỉ Thanh—tàn dư của phong trào Thái Bình Thiên Quốc, tức Giặc Tóc Dài từ Hoa Nam “bật hồng đánh cướp giữa ban ngày.” Sử văn thường chỉ nhắc đến bọn Cờ Vàng, Cờ Trắng, Cờ Đen ở hạ bán thập niên 1860, nhưng thực ra bọn Ngô Côn đã “thu thuế” vua quan Nguyễn sớm hơn, và tình thế chỉ rõ ràng hơn sau khi Nguyễn Tri Phương ra bắc, chống đánh Lê Duy Phụng hay Lê Duy Minh. (89)

89. Nên ghi nhớ tư liệu truyền giáo Pháp thường cho rằng nước Bắc Kỳ phải công lễ Huế, và quốc thống từ Hùng Vương chỉ là truyền thuyết hay cổ tích. Năm 1945-1946, Linh Mục Cao Ủy Georges Thierry d’Argenlieu cũng sử dụng một lý thuận tương tự để biện hộ cho phong trào Nam Kỳ tự trị; *Chronique*, 1985:274-277 [**Thứ Sáu, 26/4/1946:** D’Argenlieu viết báo cáo “cơ bản” về vấn đề Nam Kỳ: Từ tháng 8/1945, theo đúng tinh thần tiên bộ của Tuyên ngôn ngày 24/3/1945, đang chuẩn bị cho chào đời một chính phủ tự trị Nam Kỳ, hầu thực thi điều khoản “trung cầu dân ý” của Hiệp ước sơ bộ 6/3/1946. Quan niệm thống nhất ba kỳ chẳng được y cứ về yếu tố địa lý, lịch sử hay kinh tế, nếu không muốn nói trái lại].

**Thứ Hai, 27/5/1946:** D’Argenlieu ký Nghị định thành lập chính phủ lâm thời Cộng Hoà Nam kỳ. Có nhiệm vụ tổ chức trung cầu dân ý. (1985:283) **T hứ Bảy, 1/6/1946:** Chính phủ Cộng Hoà Nam Kỳ Nguyễn Văn Thỉnh ([25/1/1888]-1/6-10/11/1946):ra mắt. *Thủ tướng kiêm Nội vụ:* Thỉnh; *Phó Thủ tướng:*

Đại tá Nguyễn Văn Xuân; *Tư pháp*: Trần Văn Tỷ; *Tài chính*: Nguyễn Thành Lập, *chủ nhà băng*; *Giáo dục*: Nguyễn Thành Giung; *Y tế, Xã hội*: Khương Hữu Long, *Y sĩ*; *Canh nông, Kỹ nghệ và Thương mại*: Ung Bảo Toàn. *Công chính, Giao thông*: Lưu Văn Lang (*không nhận*);

*Thứ trưởng An ninh*, đặc trách Sài Gòn-Chợ Lớn: Nguyễn Tấn Cường; *Thứ trưởng Nội an*: Nguyễn Văn Tâm (10H xxx [642]). Tháng 9/1946, Nguyễn Phú Khai được cử làm Thứ trưởng Thông tin; *Nam Kỳ* (Sài Gòn), 7/10/1946. Khai là một nghị viên trong HĐTV Nam Kỳ; đại diện cho tỉnh Bà Rịa từ tháng 6/1946) Ngoại trừ Cường, hầu hết đều là những nhân vật tên tuổi miền Nam, đã được quân đội Pháp cứu thoát khỏi cuộc “tắm máu” cách mạng, với những thủ đoạn như “mò tôm,” chôn sống man rợ vào cuối tháng 9/1945.. CAOM (Aix), CP, carton 161; GGI, Amiraux, carton 2564, 51045.

#### F. PHÁP CHIẾM BIÊN-HÒA:

Tháng 11/1861, việc hòa nghị hầu như đổ vỡ. Ngày 7/11/1861, Charner báo cho Nguyễn Bá Nghi biết không chấp thuận giải tỏa cấm vận (để cắt đứt đường tiếp tế ra Huế và nuôi quân). (90)

90. AMAE (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol 28.

Ngày này, Viện Cơ Mật chấp thuận kế hoạch phòng vệ Biên Hoà của Nguyễn Bá Nghi: Điều binh ra Long Thành và Phước Tuy chặn giữ đường thủy. (91)

91. CBTĐ, 5/10 TĐ XIV, 10, CB 262:71-82.

Trong khi đó, từ ngày 28/3/1861, Charner đã chỉ thị cho Đề đốc Page phong tỏa việc giao thông với Biên Hòa, và phá hủy các công sự phòng thủ của quân Nguyễn. Tuy nhiên, Charner chưa đủ lực lượng đánh chiếm trung tâm kháng Pháp của nghĩa quân Việt. Mãi tới ngày 8/8/1861, khi bổ nhiệm Phó Đô đốc Louis Bonard (Phô-Na) sang thay Charner, chính phủ Pháp mới chấp thuận kế hoạch chiếm Biên Hoà, đồng thời mở rộng tuyến phòng thủ về hướng Đông, tức Bà Rịa và Vũng Tàu (Cap Saint Jacques). (92)

92. CAOM (Aix), Indochine, Carton 10, A 30 (1). Page tình nguyện ở lại phục vụ dưới quyền Charner mà không về nước để chuộc lại lỗi lầm trong chiến dịch đánh phá Trung Hoa.

### **III. Bonard, Louis (Phô-Na) (11/1861-1863)**

Đến Sài Gòn ngày 29/11, Bonard chuẩn bị ngay kế hoạch mở rộng vùng kiểm soát. Theo Trung tá Henri Rieunier, tùy viên của Bonard từ 8/2 tới ngày 11/3/1862, Bonard muốn chứng minh cho người Việt biết là Pháp tới Đại Nam để ở lại mãi mãi (Il veut montrer aux annamites que nous sommes ici pour toujours; les travaux que l'on fait à Saigon, le leur montrer assez.” (93)

93. Thư gửi cha ngày 1/3/1862; GG2 198, carton 1. Theo Page, Bonard tới ngày 23/11. Ngày này, Page cũng rời Sài Gòn về Pháp; SHM (Vincennes), GG2 44, c.3, d.7/7.

Ngày 9/12, lực lượng hải quân Pháp chiếm Côn Lôn (Pulau Kundor, Poulo Condore). Đảo này nằm giữa biển cả; đông nam Vĩnh Long. Trước thuộc Cần Giờ, trấn Gia Định, đi thuyền một ngày, một đêm thì tới. Năm 1830, thuộc huyện Trà Vinh, Vĩnh Long. (94)

94. *ĐNNTC*, (1997) 5:142, 154, 155-156), hiện nay thuộc Bà Rịa-Vũng Tàu. Đông Nam Vũng Tàu 180 cây số. Có tin Thiều tá Lespès chiếm Poulo Condore ngày 28/11/1861: AMAE (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol 28.

Gồm 14 đảo. Diện tích khoảng 51.2 km<sup>2</sup>. Năm 1862, Pháp xây nhà tù trên đảo. Tù nhân chính trị: Nguyễn Trung Trực. Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Thái Thân, v.. v.. Thập niên 1930, Phạm Văn Đồng (ThT, 1955-1987), Phạm Văn Thiện (Phạm Hùng, 1987-1988), Tôn Đức Thắng (CTNN, 1969-1981), Nguyễn Phương Thảo (Nguyễn Bình, 1910 [1929-1934]-1951), Lê Duẩn (1910 [1931-1936, 1940-1945]-[1960-1986]), Lê Văn Lương (1914 [1/1934]-?)

Bốn ngày sau, Bonard gửi tới hậu thư cho Nguyễn Bá Nghi, đồng thời điều một toán quân lên Thủ Đức. Ngày 14/12, quân Pháp chiếm đồn Gò Công (giữa Gia Định và Biên Hoà) của Trương Định, và tiến đánh phòng lũy Mỹ Hoà cùng một số đồn trên sông Đồng Nai. Hôm sau, 15/12, quân Nguyễn rút bỏ Mỹ Hoà.

Qua ngày 16/12, Tuần Vũ Nguyễn Đức Duy và Án Sát Lê Đức Cẩn rút từ Biên Hoà về Hồ Nhĩ, rồi ngược lên Bình Thuận. Ngày 17/12/1861, Biên Hoà thất thủ. Nguyễn Bá Nghi chạy về Long Kiên, Long Lập, thuộc

phủ Phước Tuy. Trên đường di tản, Phạm Thế Hiển ốm chết. (95)

95. *ĐNNTC*, XXVII: Biên Hòa (1997), 5:.. Thời Pháp thuộc, chia làm bốn [4] đơn vị hành chính. Tỉnh *Biên Hòa* (Phước Long cũ, 11,000 km<sup>2</sup>, 317,200 dân), *Bà Rịa* (Phước Tuy, 2,000 km<sup>2</sup>, 65,700 dân), *Thủ Dầu Một* (Phước Long, Bình Dương, 5,100 km<sup>2</sup>, 230,500 dân), và *Cap Saint Jacques* (Vũng Tàu, 600 km<sup>2</sup>, 8,900 dân). *ASI*, 1946, Part II, Tableau 1, p 27. Đây là nơi nghỉ mát của quan chức và Pháp kiều. Cựu Hoàng Bửu Lân (1/2/1889-3/5/1907) đã bị đẩy tới đây từ 1907 tới 1916, rồi cùng qua Reunion năm 1916.

Nhân dịp này, Căm Bốt cũng gây sự ở biên giới. Giáo dân Ki-tô nổi loạn. Quan quân Nguyễn phải triệt thoái Tây Ninh.

Theo lời đề nghị của Trương Đăng Quế, Hoàng Nhiệm lại cử Nguyễn Tri Phương, và Tôn Thất Cáp đang chờ chịu án ở Huế vào Bình Thuận cùng với Nguyễn Công Nhân lo việc chống cự. Nguyễn Bá Nghi bị giáng xuống hàng Tham tri, lo chuộc công. (96)

96. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:255-263.

Nhưng Nguyễn Tri Phương chưa kịp có hành động gì, ngày 7/1/1862 Bonard đã chiếm thêm Phước Tuy (Bà Rịa). Theo một tài liệu Pháp, nhiều tín đồ Ki-tô ở đây bị giết: 290 đàn ông, 106 đàn bà và 50 trẻ em. (97)

97. Louvet, *La Cochinchine religieuse*, II, pp 304-307. Louvet ghi ngày 8/1/1862.)

### G. VĨNH LONG BỎ TRỐNG:

Hơn hai tháng sau, ngày 20/3/1862, Pháp lại cho binh thuyền và bộ binh tấn công Vĩnh Long, tức Dinh Long Hồ cũ, phía tây nam Gia Định thành khoảng 140 cây số—nằm trên bờ nam Tiền Giang. Sau 1975, Vĩnh Long hợp với Vĩnh Bình, thị xã Trà Vinh thành tỉnh Cửu Long. Từ Vĩnh Long, theo đường 4, tới Ba Càng, (18 km), Cái Vồn, (29 km); rồi Cần Thơ, phía nam bờ Hậu Giang, (33 km). Vĩnh Long đi Sài Gòn, 141 km; không còn phà như ngày trước nhờ một cây cầu nổi do Australia xây dựng. Vĩnh Long cách Hà Nội, 1860 km. Tại đây từng có Trung Tâm Huân Luyện Nhân Vị của họ Ngô.

Đêm 22/3, Tổng đốc Trương Văn Uyên và Bộ chính Lê Đình Đức cho lệnh đốt kho tàng và văn khố, rút qua Mỹ Quý. Pháp lại tiến đánh Mỹ Quý, quân Việt đại bại, chết rất nhiều. (98)

98. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 286-289.

Hương Nhiệm cho lệnh Đỗ Quang và Đỗ Thúc Tĩnh đánh mạnh ở Gia Định và Định Tường. (99)

99. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:289.

Lực lượng nghĩa quân nhân dịp này nổi lên khắp nơi. Ngày 5/1/1862, Phủ Cao [Cầu] bị bắt trong một cuộc chạm súng với Pháp tại Mỹ Tho. Việt chết từ 35 tới 40 người. (100)

100. Thư ngày 25/1/1862, Rieunier gửi cha; GG2 198, c.1. Xem thêm Trương Bửu Lâm, *Patterns of Vietnamese Response to Foreign*

*Intervention, 1858-1900* (New Haven: Yale Univ Press, 1967), tr 73-74.

Đề khuyến khích nghĩa dân miền Nam kháng chiến, Hoàng Nhiệm ban biểu "Trung Tiết" cho Phan Văn Đạt và Lê Cao Đồng, hai tư lệnh nghĩa quân bị Pháp giết chết năm 1860. Nghĩa quân của Phó Quản cơ Trương Định tái chiếm được đồn Gò Công ngày 1/3/1862, và cầm cự với Pháp suốt năm 1862. Sau Hiệp ước 5/6/1862, bị thuyên chuyển ra Phú Yên, nhưng kháng lệnh, ở lại tiếp tục chiến đấu, giữ đồn Gò Công cho tới ngày 25/2/1863. (101)

101. *QTCBTY*, 1971:317ff.

### **III. HÒA ƯỚC CẮT 3 TỈNH MIỀN ĐÔNG (5/6/1862):**

Đề gây áp lực bắt Hoàng Nhiệm phải ký hoà ước, tháng 4/1862, Bonard lại mở cuộc chiến tranh kinh tế, phong tỏa việc chuyên chở lúa gạo ra Trung và Bắc. Đầu năm 1862, Bonard còn bí mật gửi Trung sĩ Charles Duval ra Bắc làm cố vấn cho hải tặc Tạ Văn Phụng, vừa nổi lên ở vùng Quảng Yên từ cuối năm 1861 dưới danh nghĩa giòng giỗi nhà Lê. Đồng thời, một số giáo sĩ Espania—với sự tiếp tay hoặc tán đồng của các nhà truyền giáo Pháp ở Đường Ngoài—đẩy mạnh phong trào đòi Bắc Kỳ tự trị, qua những cuộc nổi dậy của nhiều nhóm giáo dân khác.

#### **A. PHONG TRÀO BẮC KỲ TỰ TRỊ:**

Từ năm 1859, phong trào đòi Bắc kỳ tự trị—với những Minh chủ mạo xưng con cháu nhà Lê—đã lên cao. Các giáo sĩ Espania ở vùng tả ngạn sông Hồng trực tiếp yểm trợ nhiều toán võ trang Ki-tô chống triều đình. Hai nhân vật nổi danh nhất vào thời điểm này là “Lê Duy” [Tạ Văn] Phụng và Nguyễn Văn Thịnh—một tín đồ Ki-tô gốc làng Phụng Nhãn, Bắc Ninh, từng làm Cai Tổng, nên có tên Cai Tổng Vàng. (102)

102. *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 289.

### 1. “Lê Duy” [Tạ Văn] Phụng:

Theo tài liệu Pháp, Pedro [Pierre] Phụng nguyên là một trẻ mồ côi, được các giáo sĩ mang sang nuôi ở Penang. Năm 1854, Phụng nổi loạn ở Quảng Yên, đầu bị treo giá. Năm 1855, Linh mục Tritaud thương tình, xin Giám mục Retord dàn xếp cho Phụng qua Hongkong tị nạn. Năm 1858, Phụng theo Rigault de Genouilly tới Đà Nẵng, nhưng rồi bị Rigault đuổi trở lại Hong Kong. Từ cuối năm 1861, sau khi Charner phá lũy Kỳ Hòa, Phụng rời Hong Kong, xuống giáo khu Đường Ngoài Đông của Giám mục Hitlario Alcazar, và được các thủ lãnh tôn làm vua, dưới tên giả “Lê Duy Minh.”

Nhờ “Cố” Trường (Legrand de la Liraye) làm “Mưu chủ,” Phụng qui tụ được khoảng 20,000 giáo dân, nêu khẩu hiệu thiết lập một vương quốc Ki-tô ở miền Bắc. Lực lượng nòng cốt của Phụng là chiến thuyền. Phụng có một hạm đội từ 200 tới 300 chiếc, trang bị đại bác khá hùng hậu, đặt căn cứ ở đảo Cát Bà (thuộc vịnh Bắc Kỳ). Phụng còn liên minh với hải tặc người Thanh ở vùng Quảng Yên, nên thanh thế rất mạnh. Trong hai năm 1861-1862, Phụng tung hoành khắp chín [9] tỉnh

miền Bắc (2/3 diện tích), và số dân theo y lên tới 200,000-300,000 người. Giặc Phụng đánh thắng quân triều đình hơn 60 trận, bắt sống hay giết chết 4 Tư lệnh. Năm 1862, thay vì giết tù binh, Phụng cắt ngón tay cái (poignet) hay 3 ngón, rồi trả tự do.

Nhận xét về Phụng, Linh mục Theurel viết:

Nếu các nhóm phản loạn đoàn kết, chúng có hy vọng thành công. Với ông vua mới này, con cái cũ của chúng ta, chắc chắn chúng ta sẽ có được sự hòa bình tôn giáo, và dân chúng sẽ theo vua chúng mà theo đạo. Nhưng y chỉ là một tên giả mạo.(103)

103. Thư ngày 9/10/1862, Theurel gửi GM Faurie; SME (Paris), vol. 704; Thư ngày 9/11/1865, E. Leperteur gửi Albrand; 706:1965:294. Theo Leperteur, dư luận cho rằng Phụng là một “aventurier” [tay phiêu lưu] và không ai có cảm tình với Phụng. Xem thêm *ĐNTLCB*, IV, 33:275-276; Chính Đạo, *VNNB, Tập III: Nhân Vật Chí*, (Houston, TX: Văn Hoá, 1997), tr 489-90; Bùi Quang Tung, “Nước Việt Nam trên con đường suy vong (1858-1884);” *Văn Hoá Á Châu*, Số 3 (6/1858), tr 12.

Lần đầu tiên tài liệu nhà Nguyễn ghi nhận về giặc Phụng vào tháng 1/1862: “Quan địa phương thấy một đoàn thuyền hải tặc khoảng 100 chiếc đậu tại xã Xuân Áng, huyện Nghiêu Phong, Quảng Yên.” Đầu tháng 2/1862, “Giặc bẻ kéo khoảng 100 thuyền đánh phá thành Kiến Thụy [Quảng Yên].” Ngày 4/2, triều đình được báo cáo thua trận và giặc biển đánh phá mạnh ở Đồ Sơn của Tổng đốc Nam Định/Hung Yên Nguyễn

Đình Tân. Ngày 8/2, Hồ Viêm và Nguyễn Văn Vi báo cáo khoảng 300 thuyền giặc kéo lên đánh phá Hải Dương, quan quân bị thua. Ngày 29/3, Viện Cơ Mật báo cáo hải tặc Phụng làm chủ miền Quảng Yên, lấy Đồ Sơn làm sào huyệt. Cầm đầu là hai cố đạo Bộ và Ước. Có chừng 50-60 thuyền, 300 quân, suy tôn Lê Duy Minh làm chủ soái. Quan địa phương đề nghị ngăn chặn đường tiếp tế lúa gạo và mộ quân giỏi thủy chiến đánh dẹp. Ngày 2/4, Tổng đốc Nguyễn Đình Tân báo tin thua trận ở Kinh Môn, xin tăng viện. Ngày 5/5, Tổng đốc Tân lại báo cáo quân phi ở Nam Định mạnh, người đông, thuyền nhiều. Quan quân thì già yếu, chậm chạp, hèn nhát. Ngày 17/7, sau nhiều lần khẩn khoản xin viện binh, Nguyễn Đình Tân báo cáo mất nhiều đồn, trấn, tình thế rất cấp bách. Sau này, sử nhà Nguyễn mới ghi thêm chi tiết là Phụng gốc huyện Thọ Xương, Hà Nội; được sự yểm trợ của cố Trường và Nguyễn Văn Niên. Phụ tá có Nguyễn Đình Ước (người Nghiêu Phong, Quảng Yên), Độ, Lê Bá Đức (châu Tiên Yên), Vy Xuân (Hải Ninh), Nguyễn Văn Khương (Kinh Môn, Hải Dương). (104)

104. *CBTD*, CB 270, XV, 4:1-4, 11-13, 20-25, 80-83, 176-177, 209-214; CB 267, XV, 135; *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:263-265, 33:276.

## **2. Cai Tổng Vàng:**

Trong tháng 3/1862, Cai Tổng Vàng Nguyễn Văn Thịnh—một tín đồ Ki-tô gốc làng Phượng Nhãn, Bắc Ninh, nguyên là Cai Tổng, [*DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 289]—cũng xung nguyên súy, suy tôn một

dòng dõi nhà Lê khác là Lê Duy Huân [Uẩn] “khởi nghĩa.” Thịnh liên kết với Pedro Phụng, thanh thế ngày một mạnh. Ngày 13/4/1862, Tuần phủ Sơn Tây Bùi Ai báo cáo đánh tan toán phi tần công phủ Vĩnh Tường. Bộ chánh sứ Hoàng Kế Viêm cũng báo đã đẩy lui quân phi vây phủ Lạng Giang và quấy nhiễu huyện Yên Dũng. Ngày 21/4/1862, thêm tên Cao Bá Nha—cháu ruột Cao Bá Quát (1809-1855) sau bảy năm trốn tránh—được ghi vào báo cáo đánh thắng Cai Tổng Vàng của Tổng đốc Hà Nội/Ninh Bình. (105)

105. *CBTD*, 15/3 & 23/3 TĐ XV, 1-4, CB 270:134-136, 161-163 [Nhạ];. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:289-291 [Cai Tổng Vàng], 342 [vây Bắc Ninh]; 33:275-276. Nhạ là con người anh song sinh của Cao Bá Quát, tác giả tập *Tự Tình Khúc*, rất có giá trị thi văn.

Cao Bá Quát như đã lược thuật, người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, ngụ trong thành Đại la Hà Nội. Năm 1831, đỗ Á nguyên (Cử nhân), nhưng hỏng thi Hội. Cùng với Phó bảng Nguyễn Văn Siêu, người huyện Thọ Xương, Hà Nội, nổi tiếng văn hay chữ tốt. Người hâm mộ thường ca tụng, “Văn như Siêu Quát vô tiền Hán.” Năm 1841, sung làm sơ khảo trường Thừa Thiên, bị tội sửa bài thi cho 24 sĩ tử, nhưng được tha; chỉ bị xung vào chuyến đi Singapore. Năm 1854, giữ chức Giáo thụ phủ Quốc Oai, rồi xin về hưu. Bị tố cáo âm mưu làm loạn, tiếp tay Lê Duy Cự đánh thành Hà Nội. Bèn nổi dậy, hợp cùng Đinh Công Mỹ và Bạch Công Trân, hai thổ tù Mường ở Sơn Tây, đánh phá phủ

Ứng Hòa, huyện Thanh Oai. Hoạt động trong vùng Hà Nội. Cuối cùng bị xử tử. (106)

106. *DNTLCB*, IV, 28:1854-1858, 1973:62, 82, 84-5, 87 [q 11]; *DNCBLT*, 4 tập (Huế: 1993), 4:510-512. Xem thêm *Cao Bá Quát: Tư liệu, bài viết từ trước đến nay* (TP/HCM: Văn Học, 2004), 11, 12:1854-1858, 1973:91-141 tr 28, 35-36, 39, 42, 44, 47-49, 52, 54, 60-61, 66-67 [18-51] 12:1854-1858,

#### B. HÒA ƯỚC 5/6/1862 [9/5 NHÂM THÂN]:

Trước cảnh ngoài bị xâm lăng, trong giáo dân nổi dậy, Hoàng Nhiễm và các đại thần quyết định hoà hoãn với Pháp để rảnh tay dẹp nội loạn.

Phan Bonard cũng muốn đạt thỏa ước, nên tháng 5/1862, sai Trung tá Charles Simon đáp tàu *Forbin* cùng 200 lính ra cửa Thuận An, trao tối hậu thư, đòi hỏi phải cử một Đặc mệnh toàn quyền vào Sài Gòn thương nghị, bồi thường quân phí, và, giao nộp trước 100,000 đồng làm tin.

Simon cũng mang theo thông ngôn Petrus Key. Phan Thanh Giản và Trần Tiến Thành tâu lên. Bọn Trương Đăng Quế xin cho sứ đi lại.

Về tiền ứng trước, Hoàng Nhiễm chỉ đồng ý 500 hay 1,000 lạng bạc. Đình thần xin đưa thêm. Lâm Duy Thiệp xin đưa đủ số và tình nguyện đi sứ. Trương Đăng Quế tán thành. Hoàng Nhiễm nói có thể chấp nhận được, nhưng sợ không tiếp tục mãi, việc quân lại dấy lên, thành ra chẳng được việc gì. Về vấn đề toàn quyền, sợ rằng bị Pháp áp lực phải nhận mọi điều kiện. Nhưng đình thần vẫn xin theo lời Lâm Duy Thiệp. Vua đồng ý

sai Phan Thanh Giản cùng Lâm Duy Thiệp [Hiệp] vào Sài Gòn nghị hoà. Nhưng căn dặn hai người không được cắt đất và trả bồi thường chiến phí càng ít càng tốt. (107)

107. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:297, 302.

Ngày 22/5/1862, Simon lại đáp tàu *Forbin* ra đón sứ đoàn Việt vào Sài Gòn dự hội nghị. Sau 8 ngày bàn thảo trên tàu *Duperrié*, từ 28/5 tới 3/6/1862, hai bên đạt thoả ước. Ngày 5/6/1862 [9/5 Nhâm Tuất], Phan Thanh Giản ký với Bonard và Palanca một hiệp ước “Hoà bình và hữu nghị.”

Trong số 12 điều khoản, quan trọng nhất có:

- Pháp và Espania tự do giảng đạo Ki-tô ở Đại Nam (điều 2).

- Nhường cho Pháp ba [3] tỉnh Biên Hoà, Gia Định và Định Tường, cùng đảo Condore [Côn Sơn, tức Côn Đảo] (điều 3).

- Đại Nam không được cắt đất cho một nước nào khác nếu không có sự chấp thuận của Pháp và Espania (điều 4).

- Mở ba hải cảng Cửa Hàn (Tourane), Ba Lạt (Nam Định) và Quảng Yên (An) cho việc giao thương (điều 5).

- Pháp trả lại cho triều đình Huế thành Vĩnh Long khi đã dẹp xong loạn lạc ở Gia Định và Định Tường (điều 11).

- Đại Nam phải trả chiến phí 4 triệu Mỹ kim, trong vòng 10 năm. Vì triều Nguyễn không có Mỹ kim, một

Mỹ kim tính bằng 72% lạng bạc, hay tổng số khoảng 2,880,000 lạng bạc (điều 8). (108)

108. Bản văn hoà ước trong SHM (Vincennes), GG2-81, d.2; *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:298, 302-325; Nguyễn Duy Oanh, *Chân dung Phan Thanh Giản* (Sài Gòn: Tủ sách Sử học, Bộ Văn Hoá, Giáo dục và Thanh niên, 1974), tr 139-146. Biên khảo này trích in một số tư liệu nhà Nguyễn từ tác phẩm của Pierre Daudin và Lê Văn Phúc. [Sẽ dẫn: Oanh, 1974]. Đặc khoản về hương hỏa nhà họ Hồ liên quan đến vương phi Hồ Thị Hoa (1791-1807), tức Thuận Đức, Tá Thiên Nhân Hoàng Hậu, mẹ Miên Tông. Phi người Bình An, Biên Hòa; con Hồ Văn Bôi, mẹ họ Hoàng. Năm 1806, được Nguyễn Chung (Gia Long) tuyển vào cung “tiềm đế” cho Hoàng tử Đảm. Năm 1807, phi sinh Miên Tông, 13 ngày sau thì chết; *DNCBLT*, II, q.1.

Cả Bonard lẫn Cơ Mật viện của Hường Nhiệm đều tạm thời mãn nguyện.

Phía Pháp, cuộc diện chiến trường Nam Kỳ không còn đơn giản và đầy vinh quang như những ngày tháng “biểu dương lực lượng,” đánh phá thành quách, giương oai diễn võ. Trong số tàu thủy, chỉ còn hai [2] tàu *Forbin* và *Cosmao* có thể ra biển. Lực lượng viễn chinh suy yếu từng ngày vì bệnh tật, tử vong, nghỉ phép. Rừng rậm, sinh lây, kinh rạch, mưa nắng, muỗi mòng đĩa vắt nhiệt đới, và nhất là chiến thuật du kích của nghĩa quân miền Nam khiến đạo quân viễn chinh Pháp bị cô lập trong các thành quách và vùng phụ cận. Tổng số thiệt hại về nhân mạng của Pháp đã lên tới 2,000 người. Cuối

năm 1862, Bonard phải báo động về Paris: “Tôi hầu như bị tê liệt. Nếu tình trạng này kéo dài, sợ rằng sẽ dẫn đến đại họa.” Hơn một tháng sau, Bonard lại than thở không còn khả năng tập trung 200 binh sĩ cho một cuộc tảo thanh; và nếu không được tăng viện, khó thể tiếp tục thêm 6 tháng nữa. (109)

109. Báo cáo ngày 18/12/1862 và 27/1/1863, Bonard gửi Ngoại trưởng; AMAE (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol. 28, fol. 221-224, 295, 318; Cao Huy Thuần, 1990:96.

Bởi thế, Bonard muốn cho đạo quân viễn chinh được nghỉ ngơi, vì Hiệp ước 1862 đã đạt được cả hai mục tiêu xâm chiếm đất đai cũng như quyền tự do giảng đạo—ít nhất trên nguyên tắc và phương diện công pháp quốc tế theo tinh thần tiền lệ của hai cuộc chiến tranh nha phiến 1839-1842 và 1858-1860..

Ngày 30/7/1862, sau khi ký với Phan Thanh Giản một qui ước thi hành hiệp định, Bonard ra tuyên cáo với dân ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, và Mỹ Tho rằng từ nay họ sẽ là con dân của Đại hoàng đế Phú Lãng Sa [Pháp], và một sứ thần Phú Lãng Sa sẽ ra Huế để xác định hòa ước. (110)

100. AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 28:165. Xem thêm Gabriel Aubaret, *Histoire et description de la Basse-Cochinchine* (Paris: 1863). Paulin Vial có vẽ tán thành chính sách này ; Idem., *L'Annam et le Tonkin* (Bordeaux: 1885). Cần lập lại là chỉ từ năm 1882, Hoàng Nhiệm mới cho dùng tên dịch “Pháp” theo nhà

Thanh. Trước đó, tên dịch France là Phật Nhĩ Tây hay Phú Lăng Sa.

Để ổn định tình hình, Bonard dùng chính người Việt để cai trị người Việt, dưới sự giám thị và kiểm soát của các quan chức Pháp. Kế hoạch được biết như “hợp tác” (*association*) này dựa theo một điều trần của Gabriel Aubaret (Ha Bá Lý), tùy viên của Bonard và cũng một chuyên viên về chữ Hán. Từng nghiên cứu bộ *Hoàng triều luật lệ* [Luật Gia Long] và bộ *Gia Định thống chí*, Aubaret kết luận rằng chẳng phải ngẫu nhiên mà vua Nguyễn đã đặt luật thờ cúng tổ tiên vào chương đầu của bộ Luật Gia Long. Aubaret cũng ghi nhận rằng mặc dù Phờ-răng đã tăng cường 1,400 quân nhân vào ngạch quân quản, bất cứ hương chức hợp tác với Pháp nào cũng có thể bị hạ sát ngay tại cửa ngõ Sài Gòn. Một trong những lý do là người Ki-tô bản xứ có thói quen tự coi họ là người Pháp, và tách biệt khỏi đám đông. Bởi thế, dù việc quảng bá Ki-tô giáo là phương tiện bảo đảm nhất để có cả một dân tộc đứng về phía Phờ-răng, nhưng không nên khuyến khích quá mức. Thực ra, cần tách biệt tôn giáo khỏi guồng máy hành chính để có thể qui tụ sự yểm trợ của mọi giai tầng xã hội hơn là cai trị họ với hòng súng. (111)

111. Xem thêm tờ trình về tình trạng chính trị Đàng Trong Thấp, của Aubaret, trong *Ibid.*; Cao Huy Thuần 1990:120-121.

Bởi thế, Bonard hủy bỏ các chức Giám đốc Bản xứ vụ (*Directeurs des affaires indigènes*) thành lập dưới thời Charner, thay bằng các quan huyện người Việt,

dưới sự giám sát của các thanh tra (*Inspecteurs des affaires indigènes*) Phú Lăng Sa. Chính sách hợp tác này lôi kéo được một số cá nhân tham vọng trong giới giáo dân. Nhiều người theo Pháp làm tri phủ, tri huyện. Tuy nhiên, đại đa số vẫn không chịu hợp tác với những kẻ Tây dương “hóa ngoại” [bên ngoài vòng giáo hóa Khổng học]. Đó là chưa kể sự chống đối của Hội truyền giáo—hoặc ít nữa đa số các giáo sĩ tại Đại Nam. Các nhà truyền giáo muốn giành riêng quyền “tham chánh” cho các thầy kẻ giảng bỏ tu và tín đồ Ki-tô, theo đúng tinh thần Nghị quyết của Ủy Ban Cochinchine vào tháng 5/1857. Từ tháng 8/1862, Bonard lại chuyển dần về biện pháp quân quản trực trị. (112)

112. Điện văn ngày 27/2/1862, Bonard gửi BTHQ&TĐ; CAOM (Aix), Indochine, carton 1, A00(2); báo cáo ngày 3/12/1861, Bonard gửi BTHQ&TĐ; Ibid., A-30(3) & ngày 8/1/1863; Ibid., A-20(1); Osborne 1969, pp 74-75. Về tình trạng quan lại Việt, xem Tờ trình ngày 1/4/1862; *CBTD*, 4/3 TĐ XV, 1-4, CB 270:111-114.

Phản Hường Nhiệm chỉ chấp nhận một việc đã rồi. Phản ứng đầu tiên của vua là ngậm ngùi cảm khái, than thở:

Thương thay con đở của lịch triều, nào có tội gì? Rất là đau lòng. Hai viên [quan Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp] này không những là người có tội của bản triều mà còn là tội nhân của muôn nghìn đời vậy. (113)

113. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 302. Vì việc này, giới nho sĩ có câu: “Phan [Thanh

Giản], Lâm [Duy Thiệp] mãi quốc, triều đình khi dân.”

Dẫu vậy, ngày 28/7/1862, vua vẫn cử Phan Thanh Giản làm Tổng đốc Vĩnh Long, kiêm Khâm lược ba tỉnh miền Tây để ổn định tình hình, thu hồi Vĩnh Long. Giản—gốc miền Nam, một đại thần chủ hòa và quá tin ở những lời hứa của Pháp cùng viễn tượng tương lai hòa bình, giàu có mà một số người hợp tác với Pháp hoang tưởng—mang theo một Dụ của Hoàng Nhiệm Tự Đức kêu gọi các lãnh tụ kháng Pháp rút về kinh, hoặc bỏ nhiệm quan lại mới ở miền Tây. (114)

114. Ngày 21/7/1862, Viện Cơ Mật xuống lệnh dân Nam Kỳ ngừng chống Pháp; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 28:163-164. Lâm Duy Thiệp được phong Tuần phủ Thuận Khánh.

Tháng 9/1862, vua lại sai Giản và Thiệp đi thương nghị việc chuộc lại ba tỉnh miền Đông, nhưng Bonard không thuận. (115)

115. *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:32.

Từ tháng 7/1862, Tự Đức cũng ra lệnh phóng thích giáo dân khỏi các trại tập trung, và ngừng truy nã các giáo sĩ. Tuy nhiên, Hoàng Nhiệm chưa đủ cởi mở để chấp nhận lời đề nghị của Đặng Đức Tuấn xin vào Sài Gòn thuyết phục Pháp sửa đổi hòa ước, đánh dẹp phi tặc ngoài Bắc, giúp nhân tài cho Việt Nam, và bãi bỏ tiền bồi thường chiến phí. (116)

116. *DNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 318; LTTƯ II, CBTĐ, 10/6 TĐ XV, [TĐ XXX, 10], CB

446:156-162. Không rõ Đặng Đức Tuấn này có liên hệ gì đến Tiên sĩ võ Đặng Đức Tuấn ân khoa tháng 7 Kỷ Tị [18/8-15/9/1869] hay chăng.

### C. PHẢN ỨNG VỀ HIỆP ƯỚC 1862:

Hoà ước 1862 tạo nên sự chống đối mãnh liệt của hai thế lực đối nghịch trong nội địa Đại Nam.

#### 1. Giới Ki-Tô:

Các giáo sĩ và một số giáo dân cực đoan chưa thỏa mãn. Các nhà truyền giáo cảm thấy bị bẽ bàng vì có nỗ lực của quan tướng Pháp giữ họ đứng ngoài những cuộc thương thuyết cũng như ký hiệp ước. Ngay cả các giáo sĩ và giáo dân giữ chức thông ngôn chẳng biết gì về nội dung Hiệp ước “Gabriel Aubaret” này.

Bởi thế, ngày 23/7/1862, các Giám mục Gauthier, Pellerin và Herrengt quyết định cử ba linh mục Croc (Đường Ngoài Nam), Roy (Đàng Trong Đông), và Devaux (Đàng Trong Bắc) rời Sài Gòn ra Huế để thăm dò tình hình về Hiệp ước 5/6/1862. Ngày 5/8, ba người tới cửa sông Huế. Quan trấn thủ Thuận An đánh 50 roi hai thuyền trưởng đưa họ từ Nam ra. Vì chỉ có giấy giới thiệu của Palanca, mà không có sự chấp thuận của Bonard, ba linh mục phải nói điều là tới giảng đạo. Croc (Hòa) và Devaux được đưa ra Quảng Bình, và giam lỏng ở Đồng Hới. Roy thì vào Bình Định.

Vụ này tạo nên một đợt rắc rối ngoại giao. Ngày 22/8/1862, ty Thương bạc Huế báo cho Bonard về chuyến đi của nhóm Croc, Roy và Devaux. Sau khi truy biết chính Palanca đã cấp giấy phép cho ba giáo sĩ trên,

ngày 6/10, Bonard than phiền với Bộ Ngoại Giao Pháp.  
(117)

117. AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 28:172, 174.

Thêm nữa, dù được quyền tự do giảng đạo và đón nhận một số giáo sĩ cùng giáo dân mới được trả tự do khỏi các ngục tù và các trại giáo hoá, mục tiêu lật đổ Hoàng Nhiệm vẫn chưa đạt. Các nhà truyền giáo mở một chiến dịch tố cáo vua quan Nguyễn thiếu thành thực, chỉ vờ hoà hoãn để rảnh tay đánh dẹp “con cháu nhà Lê,” mà vẫn chưa thành tâm phóng thích tất cả những giáo dân bị bắt giữ.

Nhưng Bonard nhiệt tình bênh vực triều đình Huế, nhất là Phan Thanh Giản. Trong báo cáo ngày 24/7/1862 về hiện tình chính trị, Bonard viết:

Tất cả các nhà truyền giáo đều áp ủ giấc mơ trở lại giai đoạn mà Giám mục d'Adran [Pigneau] thật tế làm vua đất Cochinchine, thời kỳ mà bất cứ việc gì cũng cần lời cố vấn hay sự thỏa thuận của ông ta. [sic]

.... Tôi nghĩ rằng các nhà truyền giáo dòng Dominican Espania còn hăng hái và cực đoan hơn cả các giáo sĩ Pháp....

Một người con cháu nhà Lê, dù thật hay giả, đã được đón nhận tại các tu viện ở Trung Hoa, và sau khi đã ngược đãi y đủ đường, kể cả việc bắt y giữ chân gác công, các giáo sĩ bề trên lại có ý dựng y làm vua, vì họ tin rằng sẽ có ảnh hưởng sâu đậm trên y một khi mưu toan hoàn tất. Hiện nay, qua lời nói và hành động của các tầng lớp truyền giáo

Cochinchine, họ đang từ bỏ tham vọng trên vì nghĩ rằng mặc dù sự chiếm đóng và đô hộ của chúng ta chưa mang lại cho họ uy quyền của Giám mục d'Adran, họ sẽ có những ảnh hưởng đáng kể. Vậy có thể, bằng một chính sách linh hoạt, bắt họ ngoan ngoãn trong phạm trù uy tín mà họ mong mỏi.

Các nhà truyền giáo ở địa phận Huế thì vẫn còn cực đoan. Một số đã hậm hực kéo theo những kẻ cướp ra đi. Nhưng [Bonard] đã khuyên Giám mục Pellerin [?] cùng những cộng sự viên thân tín hãy tạm ở lại Nam kỳ.

Còn những tu sĩ Dominicans người Espania thường hay ở vùng mạn ngược Bắc Kỳ; họ còn khó cai quản gấp bội: hăng hái và cuồng nhiệt tận cùng, một số lớn lại xuất thân từ các nhóm du kích và Carlistes (quân chủ chuyên chế theo Don Carlos), đã rời bỏ Espania ra đi, tự nguyện với thanh kiếm, khẩu súng và cây thánh giá trên tay, tham gia bằng tất cả tâm hồn và thể xác vào những cuộc nổi loạn làm điều đúng Bắc Kỳ. (118)

108. Công điện ngày 24/7/1862, Bonard gửi Chasseloup-Laubat; Ibid., vol 28:85-88; Cao Huy Thuần, 1990:83-85. [Thọ 1995:88-89].

Thái độ quá khích của các giáo sĩ Espania mà Bonard đề cập liên quan đến Tạ Văn Phụng. Mùa Hè 1862, khi Huế phái Nguyễn Tri Phương ra Bắc đối đầu với các nhóm vũ trang Ki-tô, Giám mục Đường Ngoài Đông Hitlario Alcazar viết thư cho Bonard, xin yểm trợ và gửi kèm theo bản dịch qua Pháp ngữ thư của “Lê Duy Phụng, Vua Bắc Kỳ.” (119)

119. Thư ngày 24[26]/8/1862, Pedro Le Duy Phung gửi Bonard; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 28, fol 201-203 (Người dịch thư là Giám mục Hitlario Alcazar);

28/8/1862: Hitlario Alcazar Giám mục Đường Ngoài Đông thư cho Bonard. Yêu cầu yểm trợ Tạ Văn Phụng. (AMAE (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol. 28, fol. 204-205; Thuần, 1990:86). Chuyển dịch thư ngày 26/8/1862 của “Lê Duy Phụng, vua Bắc Kỳ.” AMAE (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol. 28, fol. 201-203; Thuần, 1990:85-86.

Tuy nhiên, phần vì đã ký được một hiệp ước với Huế, và phần muốn ngăn chặn những yêu sách của Espania trong tương lai, Bonard yêu cầu Giám mục Đường Ngoài Đông nói thẳng với những kẻ nổi dậy là dù rất ngoan đạo, Bonard không thể can thiệp vào nội tình chính trị Đại Nam. Pháp có hiệp ước với Đại Nam. Không thể trả lời thư của một tên phiêu lưu nổi loạn chống lại triều đình. Yêu cầu Hitlario Alcazar nói thẳng với những kẻ nổi dậy là đừng trông mong gì ở sự trợ giúp của Bonard, và ngưng liên lạc với soái phủ Sài Gòn với những lá thư tương tự. (120)

120. Thư ngày 28/11/1862, Bonard gửi Hitlario Alcazar; AMAE (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol. 28, fol. 206; Thư ngày 1/12/1862, Bonard gửi Bộ HQ&TĐ; CAOM (Aix), Carton 10, d. A 30 (3); Thuần, 1990:86-87.

Ba ngày sau, 1/12/1862, trong thư gửi Bộ HQ&TĐ, Bonard nói thật là sai lầm nếu yêm trợ bọn nổi loạn ở Bắc Kỳ. (121)

121. Thư ngày 1/12/1862, Bonard gửi Bộ HQ&TĐ; CAOM (Aix), Carton 10, d. A 30 (3); Thuần, 1990:86-87.

Bonard cũng ra sức biện minh cho thiện chí thi hành hòa ước của Huế, qua việc phóng thích Giám mục Charbonnier và Linh mục Mathevon, thuộc giáo khu Đường Ngoài Nam. Hai giáo sĩ này đã bị bắt ở Thanh Hóa, giải giao về Huế, rồi được phóng thích sau ngày ký hiệp ước. Và, bác bỏ những tin đồn trên báo chí về thái độ hai mạng của triều Huế. (123)

123. Công văn ngày 16/10/1862, Bonard gửi Chasseloup Laubat, *Mémoires et documents, Asie*, vol. 28, fol. 179; Thuần, 1990:81-83.

Chasseloup-Laubat, tân Ngoại trưởng Drouyn de Lhys (15/10/1862-1/9/1866), cùng Napoléon III đều chấp thuận quan điểm của Bonard. Ngày 26/10/1862, Chasseloup cho Bonard biết mình tán thành chính sách và thái độ với các giáo sĩ Espania của Bonard, và chỉ thị phải tách rời càng xa càng tốt với các giáo sĩ Espania. Thư ngày 10/12/1862, Chasseloup-Laubat cho Bonard biết Napoléon III chấp thuận đường lối và quan điểm của Bonard]; Ibid. Trong phần tái bút thư ngày 18/12/1862, Chasseloup lập lại rằng Napoléon III hoàn toàn chấp thuận Ngày 16/1/1863, Chasseloup Laubat lại viết: Cần cho Huế biết việc làm của Pháp tách biệt hẳn với Espania. Pháp bảo vệ đạo Ki-tô và các giáo sĩ,

nhưng không muốn họ xen vào chính trị. Cũng cần cho Tự Đức biết là từ nay Tự Đức chỉ có Pháp là chỗ trông cậy [nuơng tựa] duy nhất chống những kẻ thù nghịch. (124)

124. Thư ngày 26/10/1862, Chasseloup-Laubat gửi Bonard; CARAN (Paris), BB4 812; Thư ngày 16/1/1863, Chasseloup-Laubat gửi Bonard; CAOM (Aix), carton 10, A 30(1); Cao Huy Thuần, 1990:93-94.

Bởi thế, tháng 2/1863, Napoléon III phê chuẩn hoà ước Nhâm Tuất (5/6/1862).

Để làm dịu lại sự chống đối của các nhà truyền giáo, Bonard ủy cho họ nghiên cứu và thiết lập trường học để “giáo hoá” dân bản xứ, thực hiện kế hoạch “trồng người,” hầu cung cấp nhân lực cho việc xây đắp và duy trì nền tảng của đế quốc Pháp ở Đông Dương. (125)

125. Xem báo cáo của Linh mục Théodore-Louis Wibeaux [Vi] (1820-1877), Quản lý họ đạo Sài Gòn, lên Bonard về vấn đề giáo dục trong CAOM (Aix), Amiraux 12203.

Ngoài ra, còn nâng đỡ Hội truyền giáo trong việc mở mang các họ đạo, xây dựng nhà thờ, thu mua hoặc chiếm đóng các chùa chiền và ruộng đất bỏ hoang của dân tị nạn chiến tranh.

## **2. Giới Văn Thân/Nho Sĩ:**

Phe đang hưởng thụ ưu quyền của chế độ, tức giới văn thân/nho sĩ, cực kỳ bất mãn. Chủ trương phải chống Pháp, bảo vệ chủ quyền bằng mọi giá, phần đông cho

rằng không những cá nhân Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp đã “bán nước” (mãi quốc), mà chính triều đình Huế còn “khinh thường dân chúng” (khi dân). Phần vì lòng ái quốc, không chịu cam tâm để Pháp chiếm đóng giang sơn, phần vì tinh thần bài đạo Ki-tô đã trở thành một biểu tượng của căn bản ý thức hệ nhiều thế kỷ (kiểu chống Cộng trong hạ bán thế kỷ XX) giới sĩ dân bắt đầu phát động chiến dịch “Bình Tây, Sát Tả” (đánh Tây, giết giáo dân Ki-tô).

Nhiều cựu quan tướng công khai chống lại lệnh đầu hàng của triều đình. Tại An Giang, Trịnh Quang Nghị, tú tài ứng nghĩa, giết chết 44 giáo dân theo Tây vào tháng 9-10/1862. (29:334)] Tháng 12/1862, Thiên hộ Võ Duy Dương lập chiến khu tại Đồng Tháp Mười. Tại Mỹ Tho, Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân cũng nổi dậy vào đầu năm 1863. Tại Vĩnh Long, Trương Định chống lệnh thuyền chuyển về Phú Yên, ở lại miền Nam chỉ huy dân ứng nghĩa sáu tỉnh quyết tử chiến với Pháp, tử thủ đồn Gò Công cho tới ngày 25/2/1863. Khi Phan Thanh Giản đòi trị tội Nghị, Hoàng Nhiễm không đồng ý. Hoàng Nhiễm cũng từ chối lời tâu của Giản xin xuống Dụ để khuyến Trương Định. Vua tâm sự với các thị thân rằng, “Lòng người như thế, cũng là một sự giúp cho cuộc mưu tính lấy lại, há lẽ nào cứ răn dụ lật vật mãi.” (126)

126. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:334, 345-346.

Tại miền Bắc, nhiều “sĩ dân” cũng ứng mộ hưởng đồng giúp triều đình. Nhóm Phạm Văn Nghị, Doãn Khuê, Đỗ Phát, v.. v... ở Nam Định gây nhiều tiếng vang hơn cả. (127)

127. Phạm Văn Nghị (q. 33, IV:186-188 [độc học Nam Định]), Doãn Khuê (q. 33, 188-189), Đỗ Phát (1813-1893, q. 34, IV:224-225 [thương biện Nam Định])

D. HƯỜNG NHIỆM DUYỆT PHÊ HIỆP ƯỚC  
1862:

Thời gian này, Paris đã cử Phó Đô Đốc Pierre Paul-Benoit de La Grandière [Gia-lăng-gi-i] thay Bonard. Muốn có món quà ý nghĩa mang về Paris, ngày 26/2/1863—sau khi tái chiếm Gò Công, quê của Từ Dụ Hoàng Thái hậu—Bonard và Palanca gửi cho Hường Nhiệm một tối hậu thư bắt phải phê chuẩn ngay hoà ước 1862 trong dịp Bonard ra Huế sắp tới, bằng không sẽ tiếp tay phiên loạn ở miền Bắc và chiếm đóng nốt ba tỉnh miền Nam.

Xin trích dẫn một vài câu quan trọng

/Đồng ý, đó là chấm dứt sự đau khổ của dân chúng vương quốc An Nam. Không chấp thuận, đó là sự tàn rụi của vương quốc, vì nó sẽ kéo đến việc trợ giúp bọn phản loạn ở Bắc Kỳ và việc chiếm đóng ngay ba tỉnh miền Nam: Vương quốc của Ngài sẽ bị mất, cùng một lúc với Nam kỳ và Bắc kỳ . . .];: [“Oui, c'est la fin des malheurs du peuple du royaume d'Annam. Non, c'est la ruine de ce royaume, car il entrainera nécessairement l'assistance aux insurgés du Tonkin et la prise immédiate des trois provinces du Sud: votre royaume perdra donc, du même coup, le Nam ky et le Bac ky....” (128)

128. AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 28:403-404 ; *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974:343-344.  
*ĐNTLCB*, IV, 30:1863-1865, 1974:

Tự Đức chấp thuận. Ngày 14/4, Bonard và Palanca ra tới Huế. Hai ngày sau, lễ phê chuẩn hiệp ước cắt ba tỉnh miền Đông. (129)

129. *ĐNTLCB*, IV, 30:1863-1865, 1974:9-12;  
AMAE (Paris), *DDI*, 1883:28-29.

Ngày 19/4, Bonard rời Đà Nẵng vào Sài Gòn, mang theo Phan Thanh Giản để tiếp nhận Vĩnh Long. Ngày 25/5, Pháp trả lại tỉnh thành Vĩnh Long theo điều khoản 11 của Hoà ước 1862.

Niềm an ủi duy nhất cho Hoàng Nhiệm là Hoà ước khiến từ mùa Thu 1862 (tháng 9/1862) vua có thể an tâm điều Nguyễn Tri Phương ra Bắc làm Tổng thống quân vụ đại thần Tây Bắc cùng Hoàng Kế Viêm dẹp loạn, hầu chấm dứt cơn ác mộng “vương quốc Ki-tô Bắc Kỳ” mà các giáo sĩ gieo rắc.(130)

130. *ĐNTLCB*, IV, 29:1859-1862, 1974: 326-327.